

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP  
HÙNG HẬU

-----o0o-----

Số: 11.2019/HHA/CV

(V/v CBTT định kỳ: Báo cáo thường niên 2019)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----☪☪☪-----

TP.HCM, ngày 30 tháng 12 năm 2019

Kính gửi: - Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội;  
- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Hùng Hậu
2. Mã chứng khoán: SJ1
3. Địa chỉ liên lạc: 1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, Tp. HCM
4. Điện thoại: 028. 3974 1135 – 028. 3974 1136 Fax: 028. 3974 1280
5. Email: [info@hunghau.vn](mailto:info@hunghau.vn)
6. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Từ Thanh Phụng – Tổng Giám đốc
7. Nội dung công bố thông tin: Báo cáo thường niên năm tài chính 2019.
8. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ thông tin trên: [www.agri.hunghau.vn](http://www.agri.hunghau.vn)

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

\* Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm tài chính 2019.

Người thực hiện CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TỪ THANH PHỤNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
NÔNG NGHIỆP HÙNG HẠP**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
2019**





#### Tầm nhìn

"Là doanh nghiệp hàng đầu trong chế biến hàng giá trị gia tăng của ngành thủy hải sản Việt Nam, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu tự tin sẽ tiếp tục phát triển bền vững trong tương lai. Để luôn tiên phong trong việc tạo ra các sản phẩm mới có chất lượng cao, Công ty không ngừng đổi mới hệ thống quản trị và kiện toàn đội ngũ nhân sự".



#### Giá trị cốt lõi

"Tôn trọng quá khứ, tự tin trong hiện tại, vững bước tiến đến tương lai: Đây chính là giá trị nền tảng giúp Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu luôn được cổ đông tin tưởng, đối tác tin nhiệm và người lao động gắn bó lâu dài".



#### Sứ mệnh

"Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu cung ứng cho thị trường các sản phẩm mang tính đột phá về phong cách, sáng tạo về ý tưởng, đa dạng về chủng loại; luôn đảm bảo hài hòa lợi ích của cổ đông và khách hàng; chú trọng chăm lo đời sống cho người lao động và trách nhiệm xã hội với cộng đồng".



## THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính gửi Quý cổ đông, Khách hàng, Nhà đầu tư và toàn thể Nhân viên!

Năm 2019, tình hình kinh tế chính trị xã hội toàn cầu có nhiều biến động, tác động không thuận lợi đến môi trường kinh doanh, trong đó có ngành thủy sản. Dù vậy, kinh tế Việt Nam đã có những khởi sắc với tăng trưởng kinh tế vượt kỳ vọng, tạo động lực cho các ngành kinh tế của Việt Nam phát triển.

Trong bối cảnh đó, cùng với sự ủng hộ và tin tưởng của Quý cổ đông, Ban Lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên của Nông nghiệp Hùng Hậu đã đoàn kết, nỗ lực phấn đấu và đưa ra nhiều giải pháp để hoàn thành tốt các nhiệm vụ và đã vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 do ĐHQĐ đề ra. Cụ thể như sau: Tổng doanh thu đạt 108% kế hoạch đề ra và tăng 7,53% so với cùng kỳ năm ngoái; Lợi nhuận trước thuế đạt 31,36 tỷ đồng, tương đương tăng 4,64% so với năm 2018.

Bên cạnh đó, Công ty luôn nỗ lực liên tục trong việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, giữ vững hình ảnh uy tín, chất lượng trong mắt người tiêu dùng thông qua việc lựa chọn nguồn cung sạch, chất lượng, nâng cao quy trình sản xuất và bảo vệ môi trường, quan tâm đến trình độ chuyên môn và kỹ năng lành nghề của người lao động.

Trong năm 2020, Công ty tiếp tục xây dựng, định hướng kinh doanh cho Công ty trong 05 năm tới với mục tiêu trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong chế biến hàng giá trị gia tăng của ngành thủy hải sản Việt Nam, và là doanh nghiệp tiên phong trong việc tạo ra các sản phẩm mới có chất lượng cao. Để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng, Công ty mở rộng mối liên kết với vùng nuôi trồng công nghiệp theo hướng công nghệ cao; chủ động tham gia vào chuỗi, xây dựng giá trị gia tăng của chuỗi liên kết (Công ty với Vùng nuôi – Ngân hàng – Nhà máy CB thức ăn, con giống...); từ đó kiểm soát và đảm bảo được chất lượng của nguồn nguyên liệu đầu vào. Ngoài ra Công ty còn đầu tư, xây dựng thêm 01 nhà máy sản xuất hàng GTGT tại Sadrž, Đồng Tháp nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng gia tăng khi thực hiện chiến lược khai thác thị phần nội địa và mở rộng thị trường xuất khẩu.

Thay mặt cho toàn thể Công ty, tôi xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng và ủng hộ nhiệt tình của Quý cổ đông, Khách hàng, Đối tác, Nhà đầu tư, Cơ quan quản lý hữu quan cùng với sự nỗ lực của toàn thể Cán bộ Công nhân viên trong suốt thời gian qua. Tôi hi vọng tiếp tục nhận được sự tin tưởng, ủng hộ nhiều hơn nữa của toàn thể Quý vị trong thời gian tới. Tôi xin cam kết sẽ nỗ lực vì sự phát triển Công ty cũng như lợi ích chung của Quý cổ đông, Người lao động, Khách hàng và Xã hội.

Kính chúc Quý vị luôn mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**

**TRẦN VĂN HẬU**





**Hùng Hậu - Đi đầu  
về phát triển nông  
nghiệp sạch**



# 01

## THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Rủi ro

# 02

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư và thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

# 03

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

# 04

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Các mặt hoạt động của Công ty
- Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- Các kế hoạch, định hướng trong tương lai

# 05

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

# 06

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính được kiểm toán

# MỤC LỤC





## **CHƯƠNG 01**

### **THÔNG TIN CHUNG**

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro



## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

**Tên công ty:** CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU

**Tên tiếng anh:** Hung Hau Agricultural Corporation

**Giấy CNĐKDN số:** 0302047389 cấp lần đầu vào ngày 10/07/2000, và thay đổi lần thứ 22 vào ngày 13/09/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh.

**Vốn điều lệ:** 211.012.440.000 đồng

**Vốn đầu tư chủ sở hữu:** 211.012.440.000 đồng

**Địa chỉ:** 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh

**Số điện thoại:** (028) 3974 1135 - 3974 1136

**Số fax:** (028) 3974 1280

**Website:** [www.agri.hunghau.vn](http://www.agri.hunghau.vn)

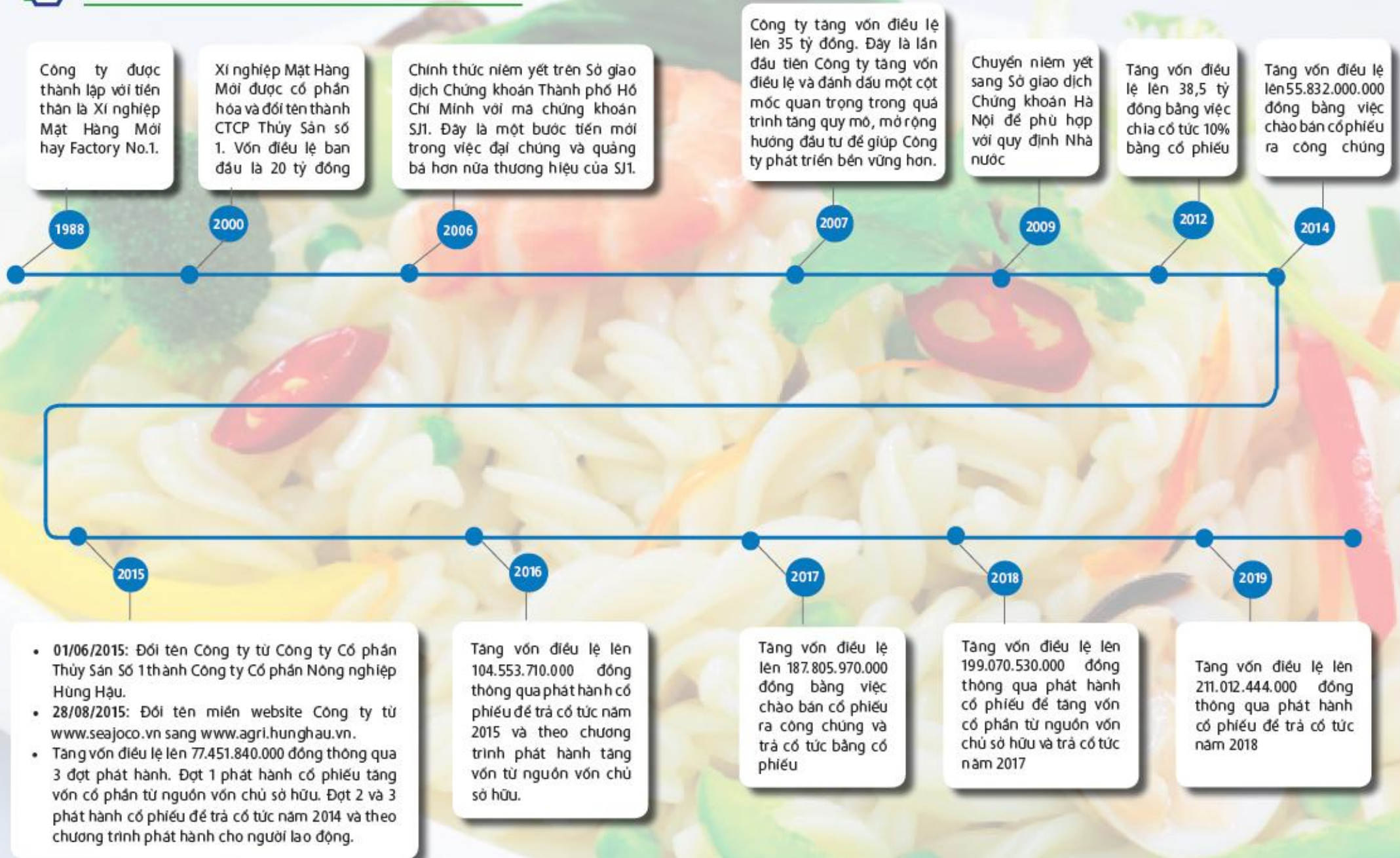
**Mã cổ phiếu:** SJ1

**Số giao dịch:** HNX





## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN







## CÁC THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

- + Chứng nhận DL01: Giấy phép xuất khẩu vào thị trường EU
- + Chứng nhận DL239: Giấy phép xuất khẩu vào thị trường EU
- + Chứng nhận ISO 9001:1998: Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 phiên bản 1998.
- + Chứng nhận ISO 9001:2000: Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 phiên bản 2000.



### Năm 1992

Công ty vinh dự nhận Huân chương lao động hạng II vì thành tích đạt được trong sản xuất kinh doanh từ 1987 – 1991.



- + Chứng nhận ISO 22000:2005: Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 2200 phiên bản 2005.
- + Chứng nhận HALAL: Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn của cộng đồng các nước Hồi giáo HALAL.
- + Chứng nhận BRC: Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn thực phẩm toàn cầu – BRC (Tiêu chuẩn của hiệp hội bán lẻ Anh Quốc).
- + Chứng nhận HACCP: Hệ thống Phân tích mối nguy và Kiểm soát điểm tới hạn.



### Năm 1998

Công ty vinh dự được Nhà nước trao tặng Huân chương lao động hạng I vì thành tích nổi bật trong hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 1993 - 1997

### 2002 – 2008

Công đoàn Công ty vinh dự nhận được cờ thi đua cùng bằng khen của Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cho Phong trào Phụ nữ 2 giới "Giỏi việc nước – Đảm việc nhà".

### 2004; 2005; 2007 Huy chương vàng Hội chợ Vietfish Năm 2006

Đạt thành tích cao trong phong trào thi đua "Xanh - Sạch - Đẹp, đảm bảo An toàn vệ sinh lao động" 10 năm (1996 – 2006).

### Năm 2003 - 2012

Nhận được cờ thi đua và bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam vì thành tích Xây dựng Công đoàn cơ sở vững mạnh

### Năm 2013

Nhận bằng khen của Tổng LĐLĐVN cho tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi & xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh



### Năm 2014

Nhận bằng khen của Ban CHCĐNN & PTNT Việt Nam cho đơn vị có Thỏa ước lao động tập thể chất lượng cao & Cờ Tổng LĐLĐVN cho tập thể.

### Năm 2015

Nhận giải thưởng Sao vàng Đất Việt ngày 04/10/2015. Nhận cờ Công đoàn ngành do Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn trao tặng cho tập thể Công đoàn Công ty

**Năm 2018:** Công ty được vinh danh trong TOP 500 Doanh Nghiệp Việt Nam Thịnh Vượng BP 500-2018

Ngày 01/12/2018, chứng nhận "Hàng Việt Nam chất lượng cao - Chuẩn hội nhập" đã được trao đến Nông nghiệp Hùng Hậu, đây là chứng nhận có uy tín cao, đáp ứng các tiêu chuẩn như sau:

- Là sản phẩm có chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn đã công bố. Có kết quả kiểm tra, đánh giá của các cơ quan quản lý chất lượng.
- Sản phẩm có giá trị sử dụng phổ biến, có ích lợi cho tiêu dùng, chiếm tỷ trọng cao trong doanh thu của doanh nghiệp. Có tốc độ phát triển và chiếm lĩnh thị trường.
- Sản phẩm được đăng ký bản quyền về mẫu mã, kiểu dáng, bao bì. Giá trị sử dụng phù hợp với giá trị văn hóa tiêu dùng, thuần phong mỹ tục Việt Nam.
- Có áp dụng tiến bộ kỹ thuật, sáng tạo và đổi mới trong công nghệ chế tạo sản phẩm. Giá thành sản phẩm hợp lý được người tiêu dùng chấp thuận.

### Ngày 29/7/2016

Công ty được vinh danh tại Lễ trao giải Cuộc bình chọn Báo cáo thường niên 2016 (ARA 2016) do Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM, Báo Đầu tư Chứng khoán và Công ty Quản lý quỹ Dragon Capital phối hợp tổ chức, với thành tích đạt được TOP 30 doanh nghiệp có Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2016.

### Năm 2016

Ngày 05/9/2016 Công ty được nhận giải: "AEC Priority Intergration Sector Excellence Awards" của Asean Business Advisory Council.

### Năm 2017

Công ty được vinh danh trong Bảng xếp hạng VNR 500 – 500 Doanh Nghiệp lớn nhất Việt Nam 2017



## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

### Địa bàn hoạt động

Hiện nay, sản phẩm của Hùng Hậu đang được phân phối cả thị trường trong và ngoài nước. Đối với thị trường nước ngoài, Công ty đã đưa sản phẩm ra một số nước ở Châu Âu, Châu Á, Mỹ v.v...

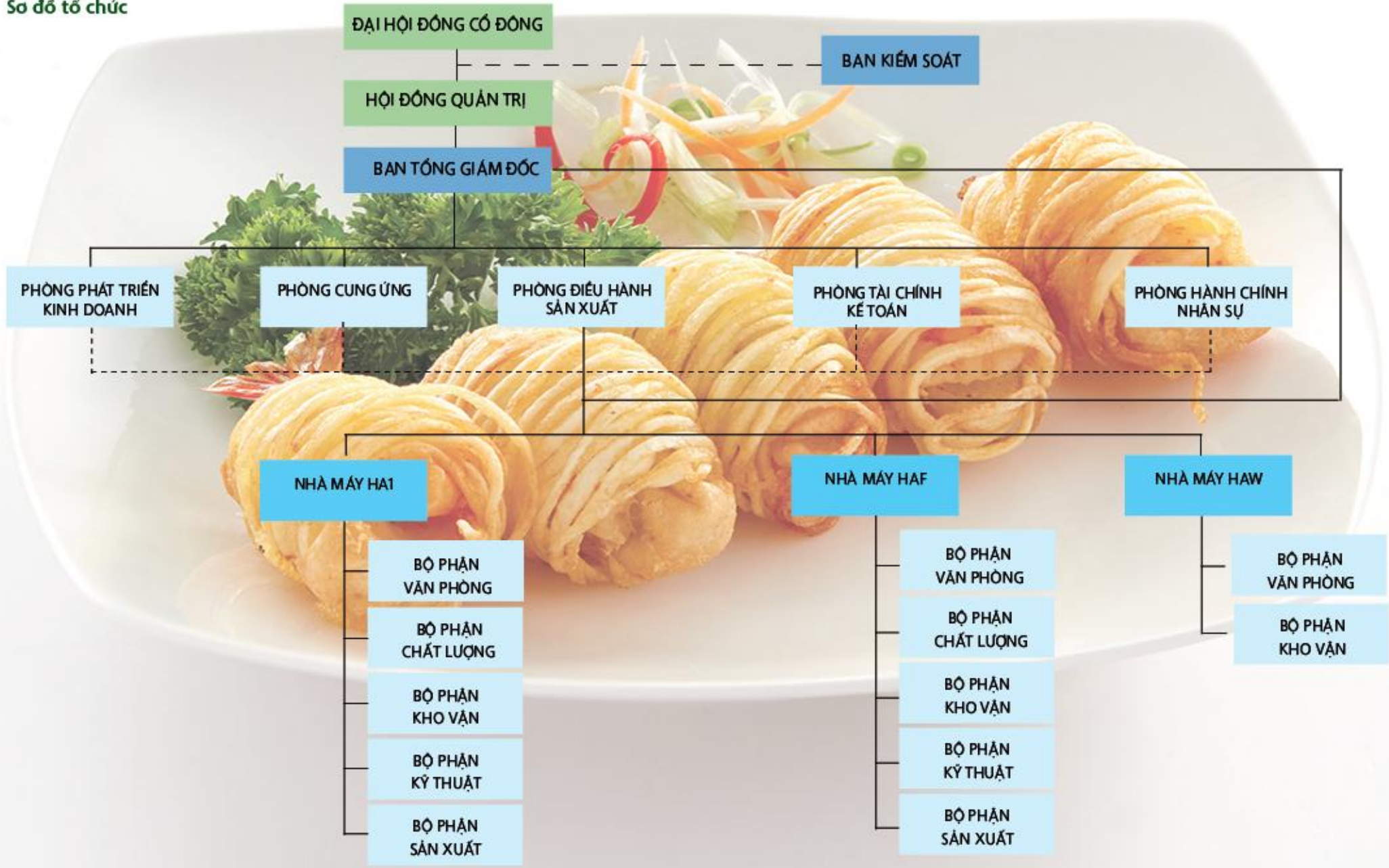


### Ngành nghề kinh doanh

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa (không hoạt động tại trụ sở);
- Đào tạo đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn tổng hợp;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính.



Sơ đồ tổ chức







**Chức năng - nhiệm vụ**

**Mô hình quản trị Công ty**

Công ty hoạt động với mô hình công ty cổ phần mô hình quản trị của Công ty tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty:

- Đại hội đồng cổ đông: Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty
- Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Ban Tổng giám đốc: Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- Ban kiểm soát: Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của công ty

**Ban Điều hành quản lý nhà máy**

- Ban Điều hành sản xuất (ĐHSX) là Đơn vị chức năng trực thuộc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hưng Hậu, hoạt động chủ động theo chủ trương, chính sách và chiến lược phát triển của Công ty.
- Ban ĐHSX chuyên trách nghiệp vụ thuộc các lĩnh vực: quản lý hoạt động sản xuất chung, quản lý chất lượng sản phẩm.
- Ban ĐHSX phối hợp tác nghiệp và ngang cấp với các Phòng ban khác trong Công ty.

**Chức năng chính:**

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về việc hoạch định, tổ chức hoạt động sản xuất tại các nhà máy nhằm đáp ứng mục tiêu về năng suất, chất lượng đã đề ra.
- Phối hợp Ban Điều hành các nhà máy sản xuất theo kế hoạch đã được phê duyệt và đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn chất lượng.
- Đảm bảo việc sản xuất theo đúng quy trình, quy định, hướng dẫn, tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng đã được xây dựng và ban hành.
- Nghiên cứu và phát triển thuận tụy về mặt sản phẩm nhằm cho ra đời những sản phẩm có thiết kế, chất liệu, đặc tính, công dụng mới.

Công ty con

**Công ty TNHH Ngư Nghiệp Hưng Hậu**

Địa chỉ: Khu C, Khu Công nghiệp Sa Đéc, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp

Ngành nghề: Chế biến, bảo quản thủy sản, và các sản phẩm từ thủy sản

Vốn điều lệ: 65.000.000.000 đồng

Tỷ lệ vốn góp dự kiến: 65% vốn điều lệ





### Chiến lược phát triển

Lấy giá trị nền tảng và cơ bản làm động lực nâng cao giá trị sản phẩm, thương hiệu Công ty lên tầm thế giới. Luôn đảm bảo an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường làm kim chỉ nam của Công ty.

### Sản phẩm kinh doanh, nội địa

Để duy trì và mở rộng thị phần trong nước, đội ngũ cán bộ của Công ty tiếp tục nghiên cứu, phân tích nhu cầu tiêu dùng ngày tăng cao của người dân Việt Nam, đưa ra các sản phẩm mới, đảm bảo về chất lượng và khẩu vị của người dùng.

Bên cạnh đó, Công ty đẩy mạnh chiến lược tiếp thị tại các chuỗi siêu thị trên toàn quốc, từng bước tiếp cận các chuỗi nhà hàng và khách sạn cao cấp nhằm mở rộng đối tượng tiêu dùng, nâng cao giá trị sản phẩm Hưng Hậu.

### Hoạt động kinh doanh

Công ty hoạt động kinh doanh cả thị trường trong và ngoài nước. Mỗi thị trường có những đặc tính và nhu cầu tiêu dùng khác nhau. Do đó, Công ty luôn tập trung, nghiên cứu, đưa ra các sản phẩm phù hợp với từng thị trường. Đồng thời, Công ty cũng đẩy mạnh các chiến lược quảng bá thương hiệu, tiếp thị sản phẩm thông qua các phương tiện truyền thông điện tử. Nguồn nguyên liệu đầu vào là yếu tố cốt lõi cho một sản phẩm chất lượng. Hiểu được điều này, Công ty luôn tìm kiếm và thu mua nguồn nguyên liệu uy tín, đạt tiêu chuẩn chất lượng nhằm mang đến những sản phẩm tốt nhất cho người tiêu dùng.

### Sản phẩm kinh doanh, xuất khẩu

Nhờ vào địa lý thuận lợi, chính sách quản lý của Nhà nước, ngành thủy sản Việt Nam tăng trưởng mạnh mẽ. Cùng với phát triển của Ngành, Công ty không ngừng nỗ lực đưa ra các biện pháp, chính sách phù hợp nhằm mở rộng quy mô sản xuất, thị trường tiêu thụ ở ngoài nước.

Để đáp ứng được nhu cầu khát khe của thị trường nước ngoài, Công ty có phần Nông nghiệp Hưng Hậu chú trọng đến nâng cao công nghệ kỹ thuật sản xuất, kiểm soát nghiêm ngặt quy trình chế biến – đóng gói sản phẩm, tạo ra các sản phẩm chất lượng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Đồng thời, Công ty còn liên tục cập nhật tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của từng thị trường xuất khẩu nhằm kịp thời thay đổi chính sách, biện pháp phù hợp, duy trì thị trường tiêu thụ.

Ngoài ra, các sản phẩm mới liên tục đưa ra thị trường dựa trên thị hiếu của người tiêu dùng về cả chất lượng và mẫu mã, nhằm đa dạng hóa sản phẩm cho người dùng, mở rộng phân khúc tiêu thụ.







### Tài chính

Tài chính ổn định và vững chắc là động lực để Công ty thực hiện mục tiêu mở rộng quy mô sản xuất, đầu tư công nghệ kỹ thuật và phát triển thương hiệu Công ty. Công ty có hệ thống kiểm soát chi phí hiệu quả, những chính sách tài chính phù hợp, sử dụng hiệu quả nguồn vốn nội tại nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất hiện tại của Công ty.

Mặt khác, để duy trì sự ổn định và bền vững tình hình tài chính trong tương lai, Công ty cân huy động vốn trên thị trường chứng khoán bằng việc phát hành thêm cổ phiếu của Công ty

### Tiếp thị

Công ty tập trung xây dựng, triển khai các chiến lược tiếp thị sản phẩm của mình nhằm giữ vững vị thế, tạo dựng hình ảnh thương hiệu uy tín, chất lượng trong ngành thủy sản; từ việc đảm bảo về thời gian giao hàng đến chất lượng sản phẩm đối với khách hàng trong và ngoài nước.

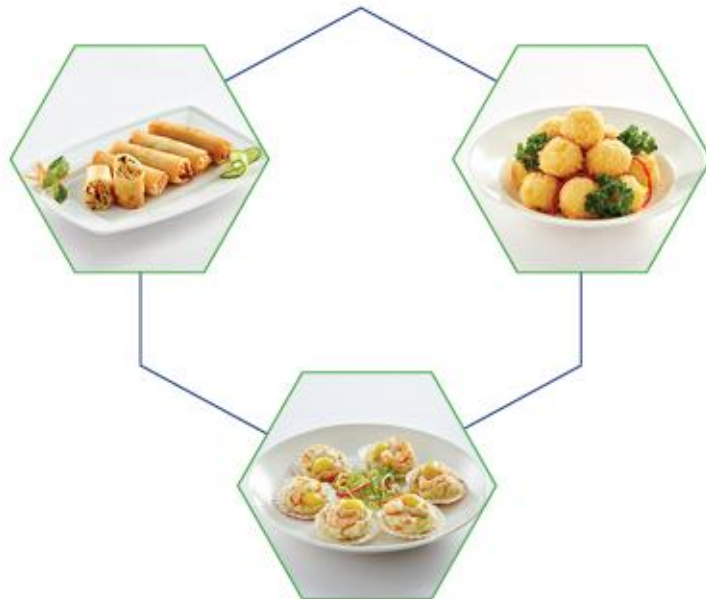
Ngoài duy trì sự tin nhiệm với các khách hàng truyền thống ở các thị trường: nội địa, Nhật, EU; Công ty cũng tìm kiếm, gia tăng thương mại tại các các thị trường tiềm năng và các đối tác mới.



### Xã hội và cộng đồng

Xã hội là nền tảng của mọi tổ chức trong nền kinh tế. Ý thức được điều này, Công ty luôn quan tâm và tích cực tham gia các phong trào thiện nguyện như: chương trình chăm lo Tết cho người nghèo, hỗ trợ xóa đói giảm nghèo, ủng hộ đóng bảo miển Trung bị lũ lụt. v.v....

Công ty còn phối hợp với các Đơn vị khác tổ chức vui trung thu, chương trình Ấm áp mùa Giáng sinh cho trẻ em tại các mái ấm tình thương. Cụ thể, Công ty đã tổ chức vui trung thu cho trẻ em tại các xã Tân Phú Trung & Lốp học tình thương tại Định Phú Định - Quận 6.



### Nhân sự

Bộ máy quản trị và điều hành của Công ty được quy chuẩn hóa nhằm quản lý hiệu quả từng bộ phận, tiết kiệm chi phí quản lý nhưng vẫn duy trì nhu cầu hoạt động cần thiết của Công ty.

Các chính sách đãi ngộ, lương thưởng được xây dựng hợp lý, là động lực để người lao động sáng tạo và nâng cao hiệu quả làm việc. Các chương trình đào tạo, huấn luyện chuyên môn được tổ chức thường xuyên giúp người lao động nâng cao tay nghề, năng suất làm việc

Ngoài ra, Công ty còn phát động và tổ chức các hoạt động bên ngoài, thi đua phong trào trong sản xuất, tạo ra một môi trường làm việc năng động, giảm bớt áp lực công việc, nâng cao sự đoàn kết, khả năng sáng tạo của người lao động.



### Các mục tiêu trung và dài hạn

1. Xây dựng mối liên kết với vùng nuôi trồng công nghiệp theo hướng công nghệ cao hiện đang được nhân rộng.
2. Chủ động tham gia vào chuỗi, xây dựng giá trị gia tăng của chuỗi liên kết (Công ty với Vùng nuôi – Ngân hàng – Nhà máy CB thức ăn, con giống...)
3. Quy hoạch sản xuất tập trung các sản phẩm chủ lực, sản lượng lớn;
4. Cải tiến máy móc thiết bị, công nghệ hiện đại để tăng năng suất tại nhà máy Sadéc - Đồng Tháp.
5. Tìm kiếm, mở rộng cơ hội liên doanh, liên kết, hợp tác sản xuất, khai thác phát triển mở rộng thị trường.
6. Tìm kiếm cơ hội để đầu tư, xây dựng nhà máy mới, MMTB-CN hiện đại tại vùng có lợi thế nguyên liệu, lao động và chính sách.
7. Xây dựng thêm 01 nhà máy sản xuất hàng GTGT tại Sadéc, Đồng Tháp với công suất 200 tấn/ tháng.





**RỦI RO KINH TẾ**

Chiến tranh thương mại giữa Mỹ - Trung tiếp diễn gây trở ngại cho sự tăng trưởng của nền kinh tế thế giới. Các tổ chức quốc tế liên tục dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2019 giảm. Điển hình, Quỹ tiền tệ quốc tế IMF hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2019 từ 3,7% xuống mức 3%. Theo Báo cáo của Tổng cục thống kê, GDP cả nước trong 09 tháng đầu năm ước tính tăng 6,98% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành thủy sản đạt kết quả khá với mức tăng 6,12%. Tuy nhiên, ngành thủy sản cũng gặp không ít khó khăn về thị trường và giá xuất khẩu tại các nước nhập khẩu lớn của Việt Nam như Mỹ, EU và Nhật Bản, do có nhiều biến động kinh tế - chính trị từ các nước này. Nhìn nhận rõ mức độ ảnh hưởng của rủi ro kinh tế đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu, Công ty luôn theo dõi tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, phân tích và đánh giá tình hình thực tại; từ đó, đưa ra và điều chỉnh phương hướng kinh doanh phù hợp với từng tình hình cụ thể



**RỦI RO XUẤT KHẨU**

Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản (VASEP), trong 09 tháng đầu năm 2019, xuất khẩu thủy sản của cả nước ước đạt gần 6,3 tỷ USD, giảm nhẹ gần 0,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong khi thị trường Trung Quốc phục hồi mạnh thì các thị trường xuất khẩu tại các quốc gia khác giảm. Cụ thể, mặt hàng cá tra xuất khẩu sang Mỹ giảm do thuế chống bán phá giá giai đoạn POR14 ở mức cao; thẻ vàng IUU vẫn chưa được gỡ bỏ gây ảnh hưởng đến việc xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU.

Ngoài ra, các yêu cầu ngày càng cao về trình độ kỹ thuật sản xuất và chế biến thủy sản tại các thị trường như Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, ... là rào cản đối với nước ta. Nguyên nhân chính là do cá tra được nuôi trồng chủ yếu tại các hộ gia đình với trình độ kỹ thuật chưa cao, tôm giống còn phụ thuộc nhiều vào khai thác tự nhiên nên chất lượng tôm không đồng đều. Hiểu rõ vấn đề trên, Công ty tập trung giám sát, kiểm soát chặt chẽ khâu đầu vào, áp dụng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn quốc tế nhằm đảm bảo khả năng xuất khẩu ra thị trường nước ngoài.



**RỦI RO CẠNH TRANH**

Ngành thủy sản Việt Nam phải cạnh tranh trực tiếp với các nước: Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, Indonesia... Với ưu thế về quy mô sản lượng, chất lượng, giá thành sản xuất, chiến dịch marketing và xúc tiến thương mại, các đối thủ đã gây sức ép cạnh tranh lên các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam nói chung và Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu nói riêng.

Các doanh nghiệp thủy sản trong nước cũng đang cạnh tranh khốc liệt. Nhiều doanh nghiệp đã dần hoàn thiện quy trình nuôi trồng, sản xuất và chế biến thủy sản của mình, mở rộng quy mô nuôi trồng, áp dụng công nghệ kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo sức ép cạnh tranh đối với các doanh nghiệp cùng ngành cả về thị phần và giá bán.

Do vậy, các chiến lược, chính sách nâng cao năng lực cạnh tranh luôn được Công ty chú trọng nhằm đảm bảo thị phần Công ty tại thị trường trong và ngoài nước. Cụ thể, Công ty triển khai các ứng dụng công nghệ hiện đại để tạo ra những sản phẩm chất lượng, phù hợp với tiêu chuẩn an toàn thực phẩm của các quốc gia nhập khẩu; đồng thời nghiên cứu sản phẩm mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm đáp ứng nhu cầu khác nhau của người dùng.





RỦI RO LUẬT PHÁP

Hiện nay, Công ty đang hoạt động dưới loại hình Công ty Cổ phần và niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội nên Công ty chịu sự quản lý từ các quy định pháp lý như: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các quy định riêng tại Sở, các quy định có liên quan khác. Bên cạnh đó, hoạt động chính của Công ty là thu mua, sản xuất và chế biến thủy hải sản, nông sản, súc sản nên công ty phải tuân thủ Luật thủy sản, Luật Thương mại, v.v... Hệ thống pháp luật Việt Nam còn trong quá trình hoàn thiện và đổi mới, mỗi sự thay đổi sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Doanh thu của Công ty còn đến từ thị trường xuất khẩu nên Công ty cũng phải chịu sự chi phối của các đạo luật như: Luật Nông trại (Farm Bill), Luật hiện đại hóa an toàn thực phẩm Mỹ (FSMA)... Để hạn chế ảnh hưởng của các văn bản luật đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu luôn nắm rõ các quy định của các văn bản hiện hành và thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật mới; linh hoạt thay đổi chiến lược kinh doanh nhằm đảm bảo kế hoạch đề ra từ đầu năm.



RỦI RO TỶ GIÁ

Hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu sản phẩm thủy hải sản chế biến, Công ty cũng chịu tác động của biến động tỷ giá.

Năm 2019, FED cắt giảm 0,25 điểm phần trăm lãi suất và nhấn mạnh không có "lộ trình vạch sẵn" trong việc cắt giảm lãi suất cơ bản trước nguy cơ bất ổn tiềm tàng và triển vọng không rõ ràng của nền kinh tế toàn cầu. Chính sách này không tác động nhiều đến giá USD, dẫn đến tỷ giá hối đoái vẫn tăng. Cùng với đó, cuộc chiến thương mại làm cho môi trường tài chính tiền tệ sẽ có những diễn biến không thuận lợi. Những diễn biến khó lường trên thị trường tiền tệ quốc tế đang có ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp chuyên xuất khẩu, nhập khẩu nói chung và Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu nói riêng.

Xuất khẩu sản phẩm chủ yếu sang các nước như EU, Mỹ..., việc tỷ giá không ổn định sẽ ảnh hưởng đến lượng sản phẩm tại thị trường tiêu thụ. Do vậy, để đảm bảo sản lượng tiêu thụ tại các thị trường ngoài nước diễn ra theo đúng kế hoạch đã đề ra trước đó, Công ty đã vẫn duy trì giá bán theo đúng như các hợp đồng đã ký kết từ trước đó nhằm tạo uy tín với các đối tác.



RỦI RO KHÁC

Hoạt động trong lĩnh vực thu mua, sản xuất và chế biến thủy hải sản, nông sản, súc sản, Công ty phải đối diện với các rủi ro liên quan như: biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh,... Trong những năm gần đây, thời tiết thay đổi thất thường; bão lũ, hạn hán, xâm nhập mặn xảy ra thường xuyên; bệnh do vi bào tử trùng (EHP) và bệnh phân trắng trên tôm bùng phát, gây ảnh hưởng đến nguồn cung thủy sản cho thị trường trong và ngoài nước. Do đó, Công ty luôn tìm kiếm và hợp tác với các nhà cung cấp có uy tín, đảm bảo về chất lượng và nguồn cung thủy sản nhằm đáp ứng đủ cho nhu cầu sản xuất và chế biến của Công ty.







## CHƯƠNG 02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư và thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty





### Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH Năm 2018	TH Năm 2019	% tăng/giảm TH 2019/2018
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.032.842	1.110.644	7,53%
Giá vốn hàng bán	939.471	1.014.713	8,01%
Lợi nhuận gộp bán hàng & cung cấp dịch vụ	93.371	95.932	2,74%
Doanh thu hoạt động tài chính	12.336	5.903	(52,15%)
Chi phí tài chính	39.447	39.155	(0,74%)
Chi phí bán hàng	16.745	12.429	(25,77%)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.832	19.191	(3,23%)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	29.683	31.059	4,64%
Lợi nhuận khác	489	297	(39,25%)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.171	31.356	3,93%
Thuế TNDN	5.691	6.235	9,56%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	24.480	25.120	2,62%

Trong 09 tháng đầu năm 2019, xuất khẩu thủy sản Việt Nam gặp nhiều trở ngại về thị trường tiêu thụ. Cụ thể, như sau:

- Tại thị trường Mỹ, thuế CBPG giai đoạn POR14 đối với mặt hàng cá tra ở mức cao. Mức thuế dao động cho từng doanh nghiệp từ 1,37 - 3,87 USD/kg, mức thuế suất toàn quốc áp dụng là 2,39 USD/kg;
- Xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU cũng bị hạn chế do ảnh hưởng của thẻ vàng IUU đối với xuất khẩu hải sản của Việt Nam trong thời gian qua, dẫn đến EU tụt 3 hạng, đứng vị trí thứ 5 các thị trường nhập khẩu hải sản lớn của Việt Nam;
- Đầu năm 2019, Trung Quốc siết chặt kiểm soát thương mại tiểu ngạch và kiểm tra ATTP, rà soát xuất khẩu theo danh sách doanh nghiệp và sản phẩm thủy sản được phép xuất sang thị trường này. Điều này đã ảnh hưởng đến lượng thủy sản xuất khẩu sang thị trường này. Tuy nhiên, trong những tháng gần đây, giá trị nhập khẩu thủy sản Việt Nam đã có dấu hiệu hồi phục tại thị trường đồng dân này.



Đi ngược lại với tình hình xuất khẩu, sản xuất thủy sản trong nước tiếp tục tăng khá. Theo Tổng cục Thủy sản, trong 10 tháng đầu năm 2019 tổng sản lượng thủy sản ước đạt 6.672,3 nghìn tấn, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó, sản lượng khai thác đạt 3.203,3 nghìn tấn, sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 3.469 nghìn tấn. Nhằm định hướng cho ngành Thủy sản tăng trưởng, các chiến lược, đề án phát triển nuôi biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đang được hoàn thiện và triển khai. Cùng với đó, các chính sách, giải pháp hỗ trợ kịp thời được đưa ra, tạo điều kiện cho sản lượng thủy sản tăng và dần khắc phục thẻ vàng IUU, góp phần gia tăng xuất khẩu của ngành thủy sản Việt Nam trong thời gian tới.

Nhờ vào chính sách điều hành, mở rộng thị trường mới, quản lý chi phí hợp lý, Ban lãnh đạo đã đạt được kết quả tốt nhất trong bối cảnh khó khăn và thách thức về thị trường xuất khẩu và giá thành cạnh tranh. Năm 2019, doanh thu thuần của Công ty đạt 1.110,6 tỷ đồng, tăng 7,53% so với cùng kỳ; lợi nhuận gộp đạt 95,9 tỷ đồng, tương ứng tăng 2,74%. Các chi phí như: Chi phí tài chính, chi bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm lần lượt là 0,74%, 25,77% và 3,23%. Từ đó, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 31,36 tỷ đồng, tương đương tăng 3,93% so với năm 2018. Với tình hình xuất khẩu sang EU gặp nhiều khó khăn, Công ty tiếp tục duy trì mối quan hệ thân thiết với các khách hàng truyền thống và mở rộng thị trường tiêu thụ mới ở các nước: Nga, Romania, Cyprus. Để góp phần phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty, Ban lãnh đạo tập trung nghiên cứu, đưa ra các sản phẩm mới phù hợp với từng thị trường.





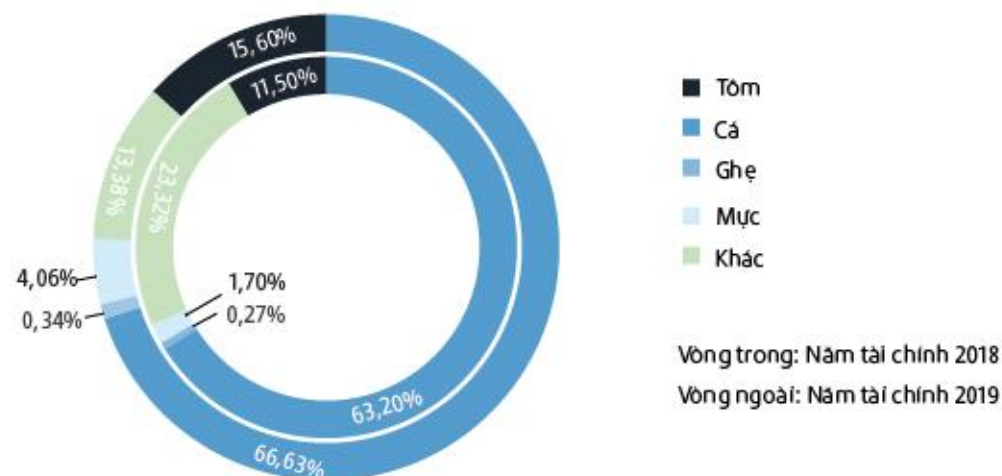


Doanh thu theo nhóm sản phẩm

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	01/10/2016 - 30/09/2017		01/10/2017 - 30/09/2018		01/10/2018 - 30/09/2019	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tôm	134.466	14,79%	118.822	11,50%	173.215	15,60%
Cá	604.139	66,45%	652.772	63,20%	740.033	66,63%
Ghẹ	2.466	0,27%	2.804	0,27%	3.757	0,34%
Mực	46.016	5,06%	17.555	1,70%	45.052	4,06%
Khác	122.041	13,42%	240.889	23,32%	148.587	13,38%
<b>Tổng cộng</b>	<b>909.128</b>	<b>100%</b>	<b>1.032.842</b>	<b>100%</b>	<b>1.110.644</b>	<b>100%</b>

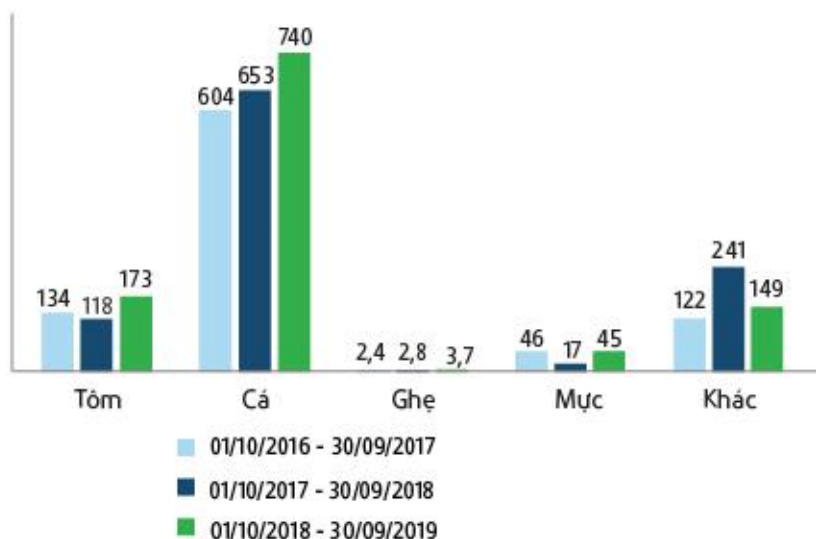
CƠ CẤU DOANH THU THEO NHÓM SẢN PHẨM



Vòng trong: Năm tài chính 2018  
Vòng ngoài: Năm tài chính 2019

TĂNG TRƯỞNG DOANH THU THEO NHÓM SẢN PHẨM

Đơn vị tính: Tỷ đồng



Nhìn chung, cá là mặt hàng chủ lực của Công ty. Đứng vị trí thứ 2 trong cơ cấu doanh thu của Công ty là các sản phẩm từ tôm, chiếm 15,6%, tương đương đạt 173,2 tỷ đồng. Các mặt hàng ghẹ, mực chiếm lần lượt là 0,34% và 4,06%.

Giá nguyên liệu đầu vào là yếu tố quan trọng, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp chế biến thủy sản. Trong năm, giá nguyên liệu đầu vào của mặt hàng chính của Công ty có nhiều sự biến động. Cụ thể, giá cá tra thương phẩm loại 1 hiện dao động ở mức 20.000 đồng/kg – 22.000 đồng/kg, giá cá tra giống dao động từ 18.000 – 19.000 đồng/kg (cỡ 1,5 – 2,5 cm), giá tôm thẻ chân trắng cỡ 100 con/kg dao động từ 87.000-100.000 đồng/kg, tăng 10.000 đồng/kg so với cuối tháng 09/2019, giá tôm sú loại 40 con/kg giá 240.000 đ/kg, tăng 20.000 đồng/kg.

Giá nguyên liệu đầu vào tăng sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến giá vốn hàng bán và lợi nhuận của các doanh nghiệp chế biến thủy sản. Do đó, giá vốn hàng bán trong năm tài chính 2019 đạt 1.014,7 tỷ đồng, tương đương tăng 8,01%; trong khi lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 25,2 tỷ đồng, tương đương tăng 2,62% so với cùng kỳ năm 2018. Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu mang đến sản phẩm tốt cho người tiêu dùng, Công ty không ngừng nỗ lực tìm kiếm nguồn nguyên liệu đầu vào có chất lượng với giá cả hợp lý; đồng thời Công ty đầu tư nghiên cứu các sản phẩm mới, đa dạng hóa các sản phẩm của mình, mở rộng thêm thị trường tiêu thụ.



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### Doanh thu theo khu vực

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	01/10/2016 - 30/09/2017		01/10/2017 - 30/09/2018		01/10/2018 - 30/09/2019	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
<b>DT từ xuất khẩu</b>	380.592	41,86%	351.288	34,01%	277.278	24,97%
- EU	115.889	12,75%	106.429	10,30%	106.004	9,54%
- Nhật	68.279	7,51%	86.563	8,38%	65.987	5,94%
-Úc	-	-	0	0,00%	2.427	0,22%
- Châu Á (trừ Nhật)	145.004	15,95%	120.098	11,63%	96.652	8,70%
- Khác	51.420	5,66%	38.198	3,70%	6.208	0,56%
<b>DT từ bán hàng nội địa</b>	528.536	58,14%	681.554	65,99%	833.366	75,03%
<b>Tổng cộng</b>	<b>909.128</b>	<b>100%</b>	<b>1.032.842</b>	<b>100%</b>	<b>1.110.644</b>	<b>100%</b>

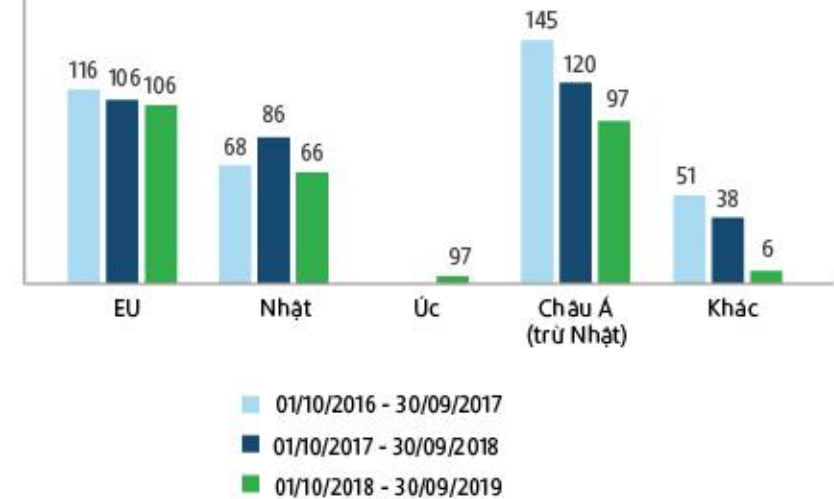
Trong 9 tháng đầu năm 2019, xuất khẩu thủy sản của cả nước ước đạt gần 6,3 tỷ USD, giảm nhẹ gần 0,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Xuất khẩu sang các thị trường lớn như EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, ASEAN đều giảm, trong khi chỉ tăng nhẹ tại một số thị trường như Trung Quốc, Mỹ, Australia.

Xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU 9 tháng đầu năm đã bị sụt giảm 10%, dẫn đến EU từ thị trường nhập khẩu thủy sản lớn thứ 2 của Việt Nam, đã tụt xuống thứ 5 sau Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ và ASEAN. Nguyên nhân chính là do ảnh hưởng của thẻ vàng IUU. Tuy nhiên, đây vẫn là thị trường xuất khẩu chính của Công ty, chiếm 9,54% tổng doanh thu và chiếm 38% doanh thu từ xuất khẩu trong năm 2019. Cùng xu hướng với tình hình chung của ngành, thị trường tiêu thụ ASEAN giảm 19,52% so với năm 2018, tương ứng đạt 96,65 tỷ đồng, chiếm 8,7% tổng doanh thu.

Đối với thị trường trong nước, Công ty đẩy mạnh chiến lược tiếp thị sản phẩm tại các chuỗi nhà hàng cao cấp, siêu thị lớn, dẫn đến doanh thu từ bán hàng nội địa đạt 833,37 tỷ đồng, chiếm 75,03% tổng doanh thu của Công ty. Việc mở rộng thị phần tại thị trường nội địa sẽ góp phần tạo dựng uy tín, nâng cao thương hiệu của Công ty trong mắt người dùng Việt. Đây sẽ là nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của Công ty trong tương lai.

### DOANH THU TỪ XUẤT KHẨU

Đơn vị tính: Tỷ đồng



### CƠ CẤU DOANH THU THEO KHU VỰC







**Hùng Hậu - Vì chất lượng cuộc sống**



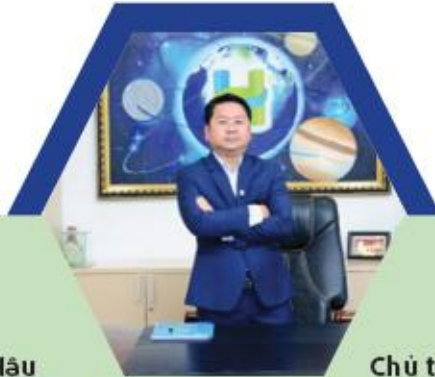


### Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Trần Văn Hậu	Chủ tịch	Thành viên không điều hành
2	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Phó Chủ tịch	Thành viên không điều hành
3	Từ Thanh Phụng	Thành viên	Thành viên điều hành
4	Ngô Đức Dũng	Thành viên	Thành viên không điều hành
5	Đinh Thị Bích Hà	Thành viên	Thành viên không điều hành
6	Trần Thanh Hương	Thành viên	Thành viên không điều hành
7	Vô Minh Khang	Thành viên	Thành viên không điều hành
8	Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên	Thành viên độc lập







**Ông Trần Văn Hậu**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

**Năm sinh:** 18/08/1981

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

**Quá trình công tác:**

- Từ 2004 – 2005: Làm việc tại Công ty Sản xuất Thương Mại Toàn Phát.
- Từ 2005 – 2006: Giám đốc Công ty CP Tô Châu.
- Từ 2006 – 12/2016: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hùng Cá.
- Từ 2010 – 7/2011: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Thủy sản số 1.
- Từ 04/2010 – Nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Phát triển Hùng Hậu.
- Từ 07/2011 – Nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản số 1).
- Từ 11/2012 – Nay: Chủ tịch HĐQT Trường Đại học Văn Hiến.

**Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu:** Chủ tịch Hội đồng quản trị

**Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:**

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển Hùng Hậu
- Chủ tịch HĐQT Trường Đại học Văn Hiến.

**Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2019:**

- Sở hữu cá nhân: 52.643 Cổ phần phổ thông (chiếm 0,25% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 7.250.300 cổ phần (chiếm 34,36% vốn điều lệ).



**Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm**

**Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị**

**Năm sinh:** 07/10/1980

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

**Quá trình công tác:**

- Từ 2003 – 2004: Làm việc tại Báo VietNamnet.
- Từ 2004 – 2008: Phó phòng Hành chính Nhân sự tại Công ty TNHH Xây dựng Trường Giang.
- Từ 2009 – 12/2010: Làm việc tại Công ty TNHH Hùng Cá.
- Từ 12/2010 – 12/2011: Trưởng phòng Hành chính Nhân sự tại Công ty TNHH Hùng Cá.
- Từ 01/2012 – 07/2013: Trưởng phòng Nhân sự tại Công ty CP Phát triển Hùng Hậu.
- Từ 11/2012 – Nay: Thành viên HĐQT tại Trường Đại học Văn Hiến.
- Từ 07/2013 – Nay: Chánh Văn phòng HĐQT Công ty CP Phát triển Hùng Hậu.
- Từ 10/2016 – Nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển Hùng Hậu.
- Từ 04/2015 – 26/09/2017: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).
- Từ 26/09/2017 – 14/01/2019: Thành viên HĐQT Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).
- Từ 14/01/2019 – nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).

**Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu:** Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

**Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:**

- Phó Chủ tịch HĐQT Trường ĐH Văn Hiến
- Phó Chủ tịch HĐQT – Cty CP Phát triển Hùng Hậu

**Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2019:**

- Sở hữu cá nhân: 39.008 cổ phần phổ thông (chiếm 0,18% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).



**Ông Từ Thanh Phụng**

**Thành viên Hội đồng quản trị  
kiêm Tổng Giám đốc**

**Năm sinh:** 01/05/1975

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Tài chính – Kế toán

**Quá trình công tác:**

- Từ 1999 – 2007: Công tác tại Công ty CP Thủy sản Cửu Long.
- Từ 2007 – 2010: Học Thạc sĩ Tài chính – Kế toán tại Mỹ.
- Từ 2011 – 05/2014: Công tác tại Công ty CP Phát triển Hùng Hậu.
- Từ 04/2012 – 04/2014: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản số 1).
- Từ 04/2014 – 26/09/2017: Thành viên HĐQT Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty Cổ phần Thủy sản số 1).
- Từ 6/2014 – 02/10/2017: Tổng Giám đốc Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản số 1).
- Từ 26/09/2017 – 14/01/2019: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản số 1).
- Từ 14/01/2019 – nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản số 1).

**Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu:** Thành viên Hội đồng Quản trị  
kiêm Tổng Giám đốc

**Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:** không

**Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2019:**

- Sở hữu cá nhân: 47.324 cổ phần phổ thông (chiếm 0,22% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).



**Ông Ngô Đức Dũng**

**Thành viên Hội đồng quản trị**

**Năm sinh:** 25/12/1960

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư chuyên ngành Điện công nghiệp

**Quá trình công tác:**

- Từ 1994 – 07/2000: Trưởng phòng Kỹ thuật điện XI nghiệp Mặt hàng mới thuộc Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam.
- Từ 07/2000 – 01/2008: Phó Giám đốc KT - CĐL CTCP Thủy sản Số 1.
- Từ 04/2007 – 04/2010: Thành viên HĐQT Công ty CP Thủy sản số 1.
- Từ 01/2008 – 08/2011: Phó Tổng Giám đốc KT - CĐL CTCP Thủy sản Số 1.
- Từ 05/2010 – 04/2015: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thủy sản số 1.
- Từ 09/2011 – 03/10/2013: Tổng Giám đốc Công ty CP Thủy sản số 1.
- Từ 11/2013 – 08/2014: Giám đốc Kỹ thuật Công ty CP Thủy sản Số 1.
- Từ 08/2014 – 05/2016: Cố vấn Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Thủy sản số 1.
- Từ 04/2015 – nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).

**Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu:**  
Thành viên Hội đồng Quản trị

**Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:** không

**Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2019:**

- Sở hữu cá nhân: 321.011 cổ phần phổ thông (chiếm 1,52% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 2.109.123 cổ phần (chiếm 9,99% vốn điều lệ).





Bà Đinh Thị Bích Hà

Thành viên Hội đồng quản trị

**Năm sinh:** 01/12/1986

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Quản trị kinh doanh

**Quá trình công tác:**

- Từ 08/2008 – 07/2009: Nhân viên kinh doanh Công ty TNHH ĐT Hoàn Châu.
- Từ 08/2009 – 05/2010: Nhân viên kinh doanh Công ty TNHH Hùng Cá.
- Từ 05/2010 – 11/2012: Trưởng phòng Mua hàng Công ty TNHH Hùng Cá.
- Từ 11/2010 – 2012: Giám đốc Công ty TNHH Hoàn Kim.
- Từ 04/2012 – 6/2015: Thành viên HĐQT Công ty CP Thủy sản Số 1.
- Từ 04/2013 – 01/2014: Giám đốc Kinh doanh Công ty CP Thủy sản Số 1.
- Từ 01/2014 – 21/07/2017: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).
- Từ 06/2015 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).

**Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu:** Thành viên Hội đồng Quản trị

**Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:** không

**Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2019:**

- Sở hữu cá nhân: 464.736 cổ phần phổ thông (chiếm 2,20% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).



Ông Trần Thanh Hương

Thành viên Hội đồng quản trị

**Năm sinh:** 27/09/1972

**Trình độ chuyên môn:** Trung cấp chuyên ngành Cơ khí ô tô; Cử nhân chuyên ngành Quản trị Kinh doanh

**Quá trình công tác:**

- Từ 02/1992 – 09/1995: Công nhân kỹ thuật Công ty Công trình thủy, Chi nhánh TP.HCM.
- Từ 09/1995 – 04/1999: Học đại học, Khoa Quản trị kinh doanh - Trường Đại học Văn Lang.
- Từ 05/1999 – 12/2001: Nhân viên - Phó phòng - Trưởng phòng HCNS Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hàng tiêu dùng Bình Tân (Bita's).
- Từ 01/2002 – 12/2005: Trưởng phòng HCNS - Giám đốc HCNS Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Toàn Mỹ, Giám đốc Công ty TNHH SX-TM Toàn Mỹ - Hà Nội.
- Từ 01/2006 – 12/2006: Trưởng phòng Tổ chức Chính trị - Lao động tiền lương Công ty Viễn thông Quân đội Viettel Mobile.
- Từ 01/2007 – 12/2007: Giám đốc kinh doanh Công ty TNHH Đất Quảng (Datkeys).
- Từ 01/2008 – 12/2009: Giám đốc Công ty TNHH Misawa.
- Từ 01/2010 – 03/2013: Giám đốc HC-NS Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tân Bình.
- Từ 04/2013 – 07/2016: Phó Giám đốc HCNS - Giám đốc HCNS Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu.
- Từ 08/2016 – 03/05/2017: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Xăng dầu Hùng Hậu.
- Từ 03/2017 – 03/05/2017: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Phân phối Hùng Hậu.
- Từ 03/05/2017 – 02/10/2017: Phó Tổng Giám đốc Thường trực Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).
- Từ 02/10/2017 – Nay: Tổng Giám đốc Thường trực Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).

**Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu:** Thành viên Hội đồng quản trị

**Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:** không

**Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2019:**

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần phổ thông (chiếm 0% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).





**Ông Võ Minh Khang**

**Thành viên Hội đồng quản trị**

**Năm sinh:** 02/10/1976

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân chuyên ngành Công nghệ chế biến thủy sản

**Quá trình công tác:**

- Từ 1999 – 2001: Nhân viên KCS Công ty Thuốc lá Bến Thành.
- Từ 2001 – 2003: Nhân viên KCS Công ty CP Thủy sản Số 1.
- Từ 2004 – 2010: Quản đốc Phân xưởng 2 Công ty CP Thủy sản Số 1.
- Từ 2010 – 2011: Phó Giám đốc Sản xuất Công ty CP Thủy sản Số 1.
- Từ 2012 – 2013: Trưởng Ban điều hành Sản xuất Công ty CP Thủy sản Số 1.
- Từ 2013 – 2014: Giám đốc Quản lý Sản xuất Công ty CP Phát triển Hùng Hậu.
- Từ 2013 – 2014: Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ Hùng Hậu.
- Từ 2014 – 2015: Giám đốc Sản xuất Công ty CP Thủy sản Số 1.
- Từ 2015 – 2016: Tổng Giám đốc Công ty CP Thủy sản Hùng Hậu.
- Từ 09/2016 – 03/05/2017: Phó Tổng Giám đốc Thường trực Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).
- Từ 31/12/2016 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).

**Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu:** Thành viên Hội đồng quản trị

**Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:** không

**Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2019:**

- Sở hữu cá nhân: 3.850 cổ phần phổ thông (chiếm 0,02% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).



**Ông Tôn Thất Diên Khoa**

**Thành viên Hội đồng quản trị**

**Năm sinh:** 07/06/1974

**Trình độ chuyên môn:** Thạc Sĩ tài chính ngân hàng

**Quá trình công tác:**

- Từ 08/1995 – 10/1999: Nhân viên Phòng Kế hoạch – Kinh doanh Ngoại tệ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam, TP. HCM.
- Từ 11/1999 – 11/2000: Kiểm soát viên Phòng Kế hoạch – Kinh doanh Ngoại tệ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam, TP. HCM.
- Từ 12/2000 – 04/2004: Phó phòng Phòng Kế hoạch – Kinh doanh Ngoại tệ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam, TP. HCM.
- Từ 05/2004 – 06/2006: Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh ngoại tệ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam, TP. HCM.
- Từ 07/2006 – Nay: Giám đốc Đầu tư tài chính – Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam, TP. HCM.
- Từ 03/2008 – Nay: Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Vinaconex – ITC.
- Từ 05/2010 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).
- 04/2018 - nay: TV HĐQT Công ty CP Khoáng sản và xây dựng Bình Dương
- 04/2018 - nay: TV BKS Tổng công ty CP Bảo hiểm Bảo Long.

**Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu:** Thành viên Hội đồng Quản trị

**Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:** không

**Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2019:**

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần phổ thông (chiếm 0% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).





Thành viên ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Trần Thanh Hương	Tổng Giám đốc	Đến ngày 05/09/2019
2	Từ Thanh Phụng	Tổng Giám đốc	Từ ngày 05/09/2019
3	Đinh Nhân Thiên Phúc	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 07/01/2019
4	Huỳnh Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 09/05/2018
5	Nguyễn Minh Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 29/06/2018
6	Tống Văn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 09/05/2018
7	Nguyễn Minh Hoàng	Kế toán trưởng	Đến ngày 12/02/2019
8	Phạm Thị Bích Như	Kế toán trưởng	Từ ngày 12/02/2019

\* Sơ yếu lý lịch (SYLL) của ông Từ Thanh Phụng: xem mục SYLL của Hội đồng quản trị




**Bà Huỳnh Thanh**
**Phó Tổng Giám đốc**

**Năm sinh:** 11/11/1978

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kế toán

**Quá trình công tác:**

- Từ 2001 – 12/2005: Kế toán trưởng Công ty TNHH TM Mỹ Anh.
- Từ 01/2006 – 05/2011: Quản lý nhóm Cty TNHH Tư vấn Kiểm toán A&C.
- Từ 06/2012 – Nay: Kế toán trưởng Công ty CP Phát triển Hùng Hậu.
- Từ 04/2014 – 03/2018: Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).
- Từ 03/2018 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).

**Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu:** Phó Tổng Giám đốc

**Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:** không

**Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2019:**

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần phổ thông (chiếm 0% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).


**Ông Tống Văn Tùng**
**Phó Tổng Giám đốc**

**Năm sinh:** 1982

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Tài Chính Ngân Hàng

**Quá trình công tác:**

- Từ 2002 – 2007: Tự kinh doanh.
- Từ 2008 – 2012: Học Đại học tại Trường Đại Học Văn Hiến.
- Từ 2013 – 02/2014: Làm việc tại Công ty CP Phát triển Hùng Hậu.
- Từ 03/2014 – 08/2015: Tổng Giám đốc Công ty CP Thủy Sản Số 9.
- Từ 9/2015 – 10/2016: Phó Phòng Chuối Cung ứng Công ty CP Nông Nghiệp Hùng Hậu.
- Từ 11/2016 – 04/2017: Giám Đốc Công ty TNHH Nha Mạn.
- Từ 05/2017 - nay: Giám Đốc Công ty TNHH Ngư Nghiệp Hùng Hậu.
- Từ 05/2018 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).

**Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu:** Phó Tổng Giám đốc

**Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:** không

**Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2019:**

- Sở hữu cá nhân: 1.110.364 cổ phần phổ thông (chiếm 5,27% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).





**Bà Nguyễn Minh Hiếu**

**Phó Tổng Giám đốc**

**Năm sinh:** 02/12/1986

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Tài Chính-Kế toán

**Quá trình công tác:**

- Từ 2005-2009: Đại học
- Từ 2009-2010: Nhân viên Kinh doanh Công ty TNHH One Pay.
- Từ 2010-2011: Nhân viên Kinh doanh Công ty TNHH Hùng Cả.
- Từ 2011-2015: Trưởng phòng Kinh doanh Công ty TNHH Đầu tư Hoàn Châu.
- Từ 2015 -2017: Phó Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư Hoàn Châu.
- Từ 2017-2018: Giám đốc Kinh doanh Công ty CP Nông Nghiệp Hùng Hậu.
- Từ 06/2018: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).

**Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu:** Phó Tổng Giám đốc

**Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:** không

**Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2019:**

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần phổ thông (chiếm 0% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).



**Bà Phạm Thị Bích Nhu**

**Kế toán trưởng**

**Năm sinh:** 14/02/1989

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kế toán - Tài chính

**Quá trình công tác:**

- Năm 2017-09/2010: Học tập tại Trường Đại Học kinh tế kỹ thuật Bình Dương.
- Tháng 10/2010-12/2014: Làm việc tại Công ty TNHH Hùng Cả, phụ trách kế toán thu chi, công nợ, ngân hàng, thuế, tổng hợp.
- Tháng 12/2014-10/2018: Làm việc tại Công ty CP Phát Triển Bông Đa Đống Tháp, phụ trách kế toán thu chi, công nợ, ngân hàng, thuế, Kế toán trưởng.
- Tháng 10/2018-01/2019: Làm việc tại Công ty CP Phát Triển Hùng Hậu, chuyên viên Ban tài chính kế toán.

**Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu:** Kế toán trưởng

**Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:** không

**Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2019:**

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần phổ thông (chiếm 0% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).



Thành viên ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Đinh Thị Bảo Yến	Trưởng ban	
2	Dư Thiện Minh Trang	Thành viên	
3	Phạm Nguyễn Linh	Thành viên	







Bà Đinh Thị Bảo Yến

Trưởng Ban kiểm soát

**Năm sinh:** 17/01/1990

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kế toán

**Quá trình công tác:**

- Từ 2008 – 2012: Học tại Trường Đại học Dân lập Văn Lang.
- Từ 07/2012 – 09/2013: Nhân viên Kế toán Công ty TNHH Dịch vụ Hùng Hậu.
- Từ 09/2013 – Nay: Kế toán tại Công ty CP Phát triển Hùng Hậu.
- Từ 04/2015 – Nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ: Công ty CP Thủy sản Số 1).

**Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu:** Trưởng Ban kiểm soát

**Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:** không

**Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2019:**

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần phổ thông (chiếm 0% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).



Bà Dư Thiện Minh Trang

Thành viên Ban kiểm soát

**Năm sinh:** 03/04/1984

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế

**Quá trình công tác:**

- 05/2010-12/2012: Nhân viên kế toán – Công ty TNHH Hùng Cả
- 12/2012-02/2014: Nhân viên tính giá – Công ty Cổ phần Thủy sản số 1
- 02/2014-05/2016: Nhân viên kế toán – Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu
- 05/2016-06/2016: Kế toán tổng hợp – Công ty Cổ phần Thủy sản Số 1
- 06/2016-05/2017: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu
- 05/2017-05/2018: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu
- 05/2018 – Nay : Giám đốc Tài chính – Kế toán Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu.

**Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu:** Thành viên Ban kiểm soát

**Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:**

- Giám đốc Tài chính – Kế toán Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu

**Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2019:**

- Sở hữu cá nhân: 554.469 cổ phần phổ thông (chiếm 2.63% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).


**Ông Phạm Nguyễn Linh**
**Thành viên Ban kiểm soát**

**Năm sinh:** 20/11/1986

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kế toán

**Quá trình công tác:**

- Từ tháng 9/2009 đến tháng 11/2013: Trưởng nhóm - Công Ty TNHH DV và Tư Vấn Thuế A&M.
- Từ tháng 12/2013 đến 10/2016: Trưởng nhóm - Công Ty TNHH Kế Toán Cát Tường.
- Từ tháng 11/2016 đến tháng 05/2017: Chuyên viên kế toán- kiểm toán - Công Ty CP PT Hùng Hậu.
- Từ tháng 1/2017 đến nay: Kế toán trưởng - Công Ty TNHH Thực Phẩm Hùng Hậu

Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu: Thành viên Ban kiểm soát

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không

Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/09/2019:

- Số hữu cá nhân: 0 cổ phần phổ thông (chiếm 0% vốn điều lệ).
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ).

## Những thay đổi trong ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Từ Thanh Phụng	Phó Chủ tịch HĐQT		14/01/2019
2	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Phó Chủ tịch HĐQT	14/01/2019	
3	Huỳnh Thanh	Trưởng ban		19/01/2019
4	Đình Thị Bào Yến	Trưởng ban	19/02/2019	
5	Huỳnh Minh Tâm	Thành viên BKS		19/01/2019
6	Dư Thiện Minh Trang	Thành viên BKS	19/01/2019	
7	Phạm Nguyễn Linh	Thành viên BKS	19/01/2019	
8	Từ Thanh Phụng	Tổng giám đốc	05/09/2019	
9	Trần Thanh Hương	Tổng giám đốc		05/09/2019
10	Nguyễn Minh Hoàng	Kế toán trưởng		12/02/2019
11	Phạm Thị Bích Như	Kế toán trưởng	12/02/2019	





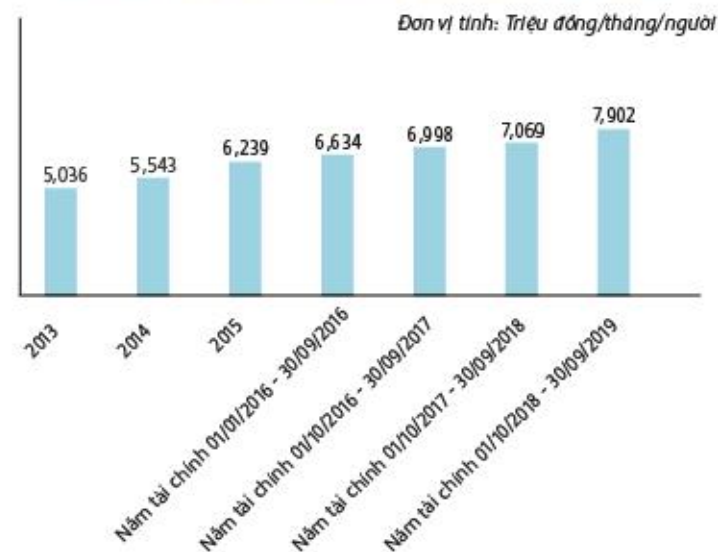
**Số lượng cán bộ công nhân viên**

Trong năm 2019, tổng số lượng CBCNV của Công ty là 376 người, cụ thể như sau:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	376	100%
1	Trên Đại học	3	1%
2	Đại học	60	16%
3	Cao đẳng	26	7%
4	Khác	287	76%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	376	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	107	28%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	269	72%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	0	0%

**Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm**

THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG QUA CÁC NĂM



- Trên Đại học
- Đại học
- Cao đẳng
- Khác



- Hợp đồng có xác định thời hạn
- Hợp đồng không xác định thời hạn
- Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)





## Chính sách đối với người lao động

### Hoạt động đào tạo

Nhân lực là nền tảng, là cốt lõi để vận hành bộ máy Công ty. Doanh nghiệp muốn phát triển bền vững bên cạnh định hướng chiến lược đúng đắn còn phải có nguồn nhân lực chất lượng. Do đó, các chương trình đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn luôn được Công ty chú trọng. Tùy thuộc vào trình độ của từng lao động, yêu cầu của từng phòng ban, các cán bộ công nhân viên sẽ được tổ chức tham gia các khóa đào tạo kỹ năng, kỹ thuật và các lớp bồi dưỡng kiến thức về vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm, v.v... phù hợp cho từng đối tượng. Bên cạnh đó, các cấp quản lý được khuyến khích tham gia các khóa học về thuế, lương, chất lượng đầu ra, v.v... để xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý kinh doanh hiệu quả của Công ty.



### Môi trường công việc

Một môi trường làm việc hiện đại, năng động sẽ khuyến khích tinh thần làm việc của người lao động. Do đó, Công ty xây dựng, bảo dưỡng và nâng cấp hệ thống các phòng nghỉ, phòng ăn giúp công nhân có sự thoải mái, thuận tiện trong giờ giải lao. Bên cạnh đó, để tạo sự gắn kết giữa người lao động và Ban quản lý, Công ty luôn tạo dựng môi trường làm việc thân thiện, cởi mở tạo điều kiện cho từng cá nhân phát huy tối đa khả năng vốn có của bản thân. Từ đó góp phần xây dựng và phát triển hình ảnh Công ty với văn hóa làm việc hài hòa, chuyên nghiệp.

### Chính sách phúc lợi

Các chính sách Lương, thưởng và chế độ đãi ngộ, trợ cấp... cho người lao động luôn được xem xét và giải quyết thỏa đáng nhằm tạo động lực cho người lao động làm việc có năng suất. Tất cả cán bộ công nhân viên đều được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định và đảm bảo các quyền lợi theo Bộ Luật lao động. Ngoài ra, Công ty còn đẩy mạnh tinh thần làm việc, sáng tạo và đoàn kết thông qua các phong trào thi đua giữa các cá nhân và giữa các đội nhóm với nhau như: các chính sách khen thưởng cho cá nhân có thành tích tốt, tổ chức các buổi dã ngoại, tổ chức sân chơi cho nhân viên và các cấp quản lý trong những dịp lễ hội,...



## Chính sách đối với người lao động

### Chính sách lương 2018 – 2019

#### Đối với khối Gián tiếp hưởng lương 3P

- Lương P1: Lương theo vị trí công việc.
- Lương P2: Theo năng lực và hiệu quả công việc.
- Lương P3: Thưởng kết quả hoàn thành mục tiêu công việc khi Công ty đạt mục tiêu kinh doanh (lợi nhuận)

#### Đối với khối trực tiếp sản xuất hưởng lương sản phẩm

Hưởng lương trên sản lượng sản xuất được và hưởng theo sản phẩm



### Chính sách thưởng 2018 - 2019

Tiếp tục phát huy chính sách lương, thưởng của năm trước đồng thời xem xét điều chỉnh chính sách lương 3P cho CBNV bình quân tăng 15%. Đối với chế độ đãi ngộ, Công ty luôn thực hiện tốt và đầy đủ các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định pháp luật. Định kỳ cho cán bộ nhân viên khám sức khỏe, tổ chức đi nghỉ mát, duy trì các hoạt động đoàn thể, tổ chức bữa ăn cho cán bộ công nhân viên luôn đảm bảo “Đủ lượng, đủ chất và an toàn vệ sinh thực phẩm”.







## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN TRONG NĂM 2019

### Tình hình đầu tư, thực hiện dự án trong năm 2019

Xây dựng cơ bản dở dang năm 2019:

STT	Dự án	Giá trị đã hoàn thành
1	Công trình HHA OFFICE	14.297.088.395
2	Dự án nhà máy Thủy Sản Sa Đéc Đồng Tháp	2.531.860.514
3	Dự án trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp SJI Plaza	1.878.034.091

### Tình hình đầu tư vào đơn vị khác

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính
1	Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	Khu vực 1, khóm 3, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn Cà Mau	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
2	Công ty CP Bao bì Thủy sản	2-4-6 Đồng Khởi, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	Sản xuất giấy, bia giấy, bao bì từ giấy và bia
3	Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu	Số 45D/TB, Quốc lộ 54, ấp Tân Bình, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, Đồng Tháp	Chế biến và bảo quản rau quả
4	Công ty TNHH Thực Phẩm Hùng Hậu	Lô C3-1, đường D2 và đường N7, KCN Tân Phú Trung, xã Tân Phú Trung..., huyện Củ Chi, TPHCM	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự





**Tình hình tài chính**
*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Chi tiêu	01/10/2017 - 30/09/2018	01/10/2018 - 30/09/2019	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	952.879	941.988	-1,14%
Doanh thu thuần	1.032.842	1.110.644	7,53%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	29.683	31.059	4,64%
Lợi nhuận khác	489	297	-39,25%
Lợi nhuận trước thuế	30.171	31.356	3,93%
Lợi nhuận sau thuế	24.480	25.120	2,62%
Tổng giá trị chi trả cổ tức	18.780	23.88	27,20%

Năm tài chính 2019, thị trường xuất khẩu thủy sản gặp nhiều khó khăn, giá nguyên liệu tăng đã gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, nhờ vào các chính sách quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh hợp lý, Công ty đạt được kết quả kinh doanh hiệu quả. Doanh thu thuần đạt 1.110,6 tỷ đồng; lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 31,1 tỷ đồng, tương đương tăng 4,64% so với năm tài chính 2018. Lợi nhuận trước và sau thuế tăng lần lượt 3,93% và 2,62%.

Trong năm, các chính sách mở rộng thị trường tiêu thụ mới, đa dạng hóa sản phẩm từ thủy sản đến nông nghiệp đã góp phần vào sự tăng trưởng của Công ty. Điển hình, Công ty đã xuất khẩu sang 03 thị trường mới, gồm: Nga, Romania, Cyprus; đồng thời, Công ty đưa ra thị trường các sản phẩm mới đến từ nông nghiệp như: bánh khoai tây tó yến, bánh khoai lang phở mai. Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên luôn nỗ lực không ngừng để tạo ra những sản phẩm chất lượng đến người tiêu dùng và xây dựng hình ảnh uy tín, đưa thương hiệu Công ty ra tầm thế giới. Từ đó ảnh hưởng tích cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

**Chỉ số tài chính**

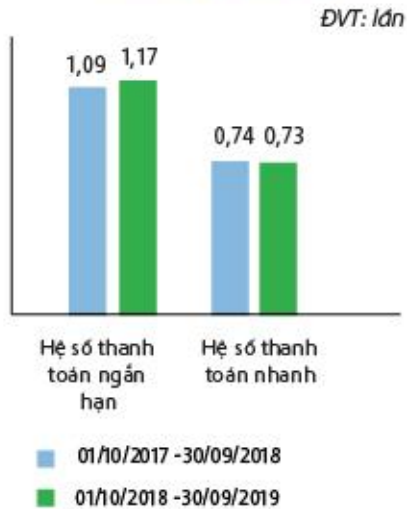
Chi tiêu	DVT	01/10/2017 - 30/09/2018	01/10/2018 - 30/09/2019	% tăng/giảm
<b>Chi tiêu về khả năng thanh toán</b>				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,09	1,12	3,01%
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,74	0,73	(0,99%)
<b>Chi tiêu về cơ cấu vốn</b>				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	71,12%	69,52%	(2,25%)
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	246,25%	228,04%	(7,39%)
<b>Chi tiêu về hiệu suất hoạt động</b>				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,62	5,13	11,01%
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	1,12	1,17	4,67%
<b>Chi tiêu về khả năng sinh lời</b>				
Hệ số LNST/DTT	%	2,37%	2,26%	(4,57%)
Hệ số LNST/VCSH bình quân	%	9,05%	8,93%	(1,28%)
Hệ số LNST/Tổng TS bình quân	%	2,66%	2,65%	(0,32%)
Hệ số LN HĐKD/DTT	%	2,87%	2,80%	(2,69%)





## Chỉ số tài chính

### KHẢ NĂNG THANH TOÁN



Hệ số thanh toán ngắn hạn của doanh nghiệp trong năm tài chính 2019 đạt 1,12 lần, tăng 3,01% so với cùng kỳ năm 2018; trong khi hệ số thanh toán nhanh giảm 0,99%, tương đương đạt 0,73 lần. Nguyên nhân chính là do giá trị Hàng tồn kho tăng hơn 21 tỷ đồng, chủ yếu là lượng hàng thành phẩm. Hiện nay, Công ty đẩy mạnh hoạt động tiêu thụ sản phẩm tại thị trường nội địa thông qua các chuỗi siêu thị, nhà hàng cao cấp. Do đó, việc gia tăng sản xuất, chế biến thủy sản tại thời điểm này nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của thị trường cho dịp lễ cuối năm

Hệ số Vòng quay hàng tồn kho trong năm tài chính 2019 tăng 11,01% cho thấy số ngày tồn kho của Công ty đang giảm. Trong năm qua, Công ty đã thực hiện các chính sách tồn kho hợp lý để hạn chế ảnh hưởng của nguồn nguyên liệu đầu vào. Tỷ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân tăng 4,67%, tương đương đạt 1,17. Nguyên nhân chủ yếu là do tài sản cố định giảm. Hiện nay, Công ty đang đầu tư xây dựng nhà máy Thủy sản Sa Đéc Đồng Tháp. Khi Nhà máy hoàn thành sẽ góp phần làm tăng tài sản cố định của Công ty, đồng; đồng thời tăng sản lượng sản xuất, kỳ vọng đóng góp vào sự tăng trưởng doanh thu

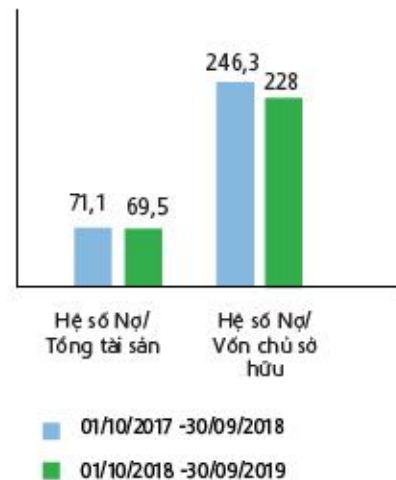
## HIỆU SUẤT HOẠT ĐỘNG

*DVT: vòng*



### CƠ CẤU VỐN

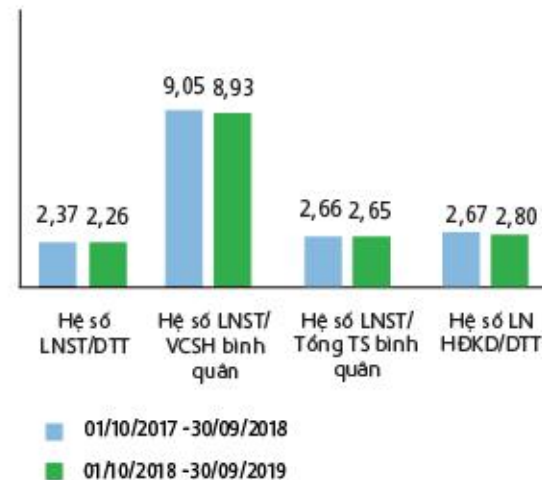
*DVT: %*



Trong khi hệ số Nợ/Tổng tài sản chỉ giảm 2,25%, hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm 7,39%. Cơ cấu nợ phải trả tập trung chủ yếu là khoản phải trả cho người bán và nợ vay ngân hàng. Trong năm, Công ty thanh toán cho người bán theo hợp đồng quy định, góp phần giảm các khoản nợ. Đồng thời, Công ty đã phát hành 1.194.191 cổ phiếu để trả có tức, dẫn đến vốn chủ sở hữu tăng 6% so với năm 2018.

### KHẢ NĂNG SINH LỜI

*DVT: %*



Ngành thủy sản Việt Nam tiếp tục gặp khó khăn trong năm 2019, do ảnh hưởng của thẻ vàng IUU, thuế CBPG giai đoạn POR14. Sản lượng xuất khẩu sang các thị trường lớn như Mỹ, EU, .. giảm. Bên cạnh đó, giá nguyên vật liệu trong năm cũng có xu hướng tăng làm tăng giá vốn hàng bán. Dẫn đến các chỉ tiêu về khả năng sinh lời giảm. Để hạn chế những ảnh hưởng đến khả năng sinh lời, Công ty chủ động theo sát tình hình chung của ngành nhằm đưa ra các biện pháp phù hợp, từ đó hoàn thành kế hoạch mà Đại hội cổ đông đề ra.





## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### Thông tin cổ phần

STT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
1	Số cổ phần đang lưu hành	21,100,234	
a	Số cổ phần chuyển nhượng tự do	21,100,234	
b	Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	-	
2	Cổ phiếu quỹ	1.010	
	Tổng số cổ phiếu phát hành	21,101,244	

### Cơ cấu cổ đông tại ngày 30/09/2019

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	0	0	0.00%
II	Cổ đông nội bộ	2,596,405	25,964,050,000	12.30%
II	Cổ đông trong nước	21,059,747	210,597,470,000	99.80%
1	Cá nhân	9,138,055	91,380,550,000	43.31%
2	Tổ chức	11,921,692	119,216,920,000	56.50%
III	Cổ đông nước ngoài	41,497	414,970,000	0.20%
1	Cá nhân	31,941	319,410,000	0.15%
2	Tổ chức	9,556	95,560,000	0.05%
	Tổng cộng	21,101,244	211,012,440,000	100.00%

### Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Loại chứng khoán			
Mệnh giá (ĐVT: đồng)			10,000
Số lượng chứng khoán phát hành	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức		1,194,191
Số cổ đông được phân phối	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức		381
Tổng số lượng chứng khoán sau khi phát hành	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức		21,101,244
Tổng giá trị chứng khoán niêm yết sau khi thay đổi niêm yết	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức		21,101,244
Ngày thay đổi niêm yết có hiệu lực	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	16/08/2019	Theo quyết định số 556/QĐ-SGDHN ngày 16/08/2019 của SGDCK Hà Nội về việc chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu SJ1
Ngày chính thức giao dịch	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	06/09/2019	

### Giao dịch cổ phiếu quỹ

Số lượng cổ phiếu quỹ: 1.010 cổ phiếu  
Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

### Các chứng khoán khác

Không có







**BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN  
ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI  
CỦA CÔNG TY**





### **Chính sách liên quan đến môi trường**

Yếu tố môi trường luôn là vấn đề quan tâm hàng đầu của các Quốc gia hiện nay, trong đó có Việt Nam. Các thương hiệu thân thiện với môi trường, các sản phẩm đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm luôn được ưa chuộng. Ý thức được điều đó, Nông nghiệp Hùng Hậu dành sự quan tâm nhất định và rất xem trọng yếu tố môi trường trong quá trình sản xuất. Cụ thể, chất lượng xử lý các chất thải công nghiệp, nước luôn đảm bảo được các chỉ tiêu an toàn theo tiêu chuẩn quy định. Ngoài ra, Công ty cũng có biện pháp hạn chế các tác nhân gây ô nhiễm môi trường phát sinh từ các hoạt động sản xuất, xử lý bảo quản nguyên vật liệu dùng trong quá trình sản xuất.

Thị trường EU, Nhật Bản, ... là thị trường xuất khẩu chủ yếu của Công ty. Đây cũng là một trong các nước yêu cầu nghiêm ngặt về yếu tố môi trường và tiêu chuẩn an toàn thực phẩm cao. Do đó, Công ty tập trung nâng cao hệ thống kiểm soát chất lượng sản phẩm và hoàn thiện quy trình sản xuất, chế biến thủy sản nhằm mang đến sản phẩm tốt nhất cho sức khỏe người tiêu dùng và hướng đến định hướng phát triển bền vững.







### Quản lý nguồn nguyên liệu

Trong những năm gần đây, Mỹ và EU đẩy mạnh việc kiểm soát an toàn thực phẩm tại cửa khẩu, đặc biệt là các mặt hàng thủy sản. Để tạo ra các sản phẩm chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm, nguồn nguyên liệu đầu vào luôn là ưu tiên hàng đầu trong quy trình sản xuất của Công ty.

Trong năm 2019, Công ty sử dụng lượng lớn nguyên liệu để sản xuất các sản phẩm của Công ty bao gồm: tôm nguyên liệu 375 tấn/năm, bột xù bơ áo 345 tấn/năm, bạch tuộc nguyên liệu 348 tấn/năm, khoai tây nguyên liệu 840 tấn/năm, ghe thịt 80 tấn/năm, Tôm vụn 150 tấn/năm, mực ống, mực nang: 200 tấn/năm... Các nguyên liệu này được kiểm định từng lô hàng nguyên liệu khi nhập vào sản xuất thông qua đội ngũ nhân viên có chuyên môn cao về kiểm tra chất lượng. Nhờ vậy, chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào luôn được đảm bảo.



### Đầu tư nhà máy, máy móc hiện đại

Ngoài việc đảm bảo chất lượng nguồn nguyên liệu, Công ty còn đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu cải tiến về dây chuyền công nghệ, máy móc thiết bị thay thế con người nhằm nâng cao hiệu suất sản xuất. Hiện nay, Công ty đã đầu tư, trang bị các máy móc, thiết bị hiện đại tại 03 nhà máy của Công ty. Các máy móc, thiết bị này được bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên nhằm sử dụng năng lượng hợp lý, tránh ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất liên tục của nhà máy.

Ngoài ra, Công ty cử người chuyên trách kiểm tra môi trường xung quanh, đánh giá mức độ nguy hại đến môi trường và lập báo cáo giám sát, đưa ra các phương án xử lý khi các tiêu chí môi trường vượt giới hạn quy định. Thường xuyên tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho nhân viên nhằm mang đến môi trường làm việc xanh – sạch – đẹp, góp phần bảo vệ môi trường chung.





**Chính sách người lao động**



Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và chế biến thủy sản, nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi cho sự phát triển của Công ty. Ban lãnh đạo luôn quan tâm, xây dựng chính sách đào tạo, lương thưởng, phúc lợi, phụ cấp nhằm hỗ trợ nhân viên trang trải cuộc sống. Công ty thực hiện nghiêm túc các chính sách sau:

- Thực hiện ký kết hợp đồng lao động cho CBCNV khi đủ thời gian thử việc và được đánh giá đạt yêu cầu;
- Đăng ký mua cho người lao động các bảo hiểm như: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể theo đúng quy định pháp luật người lao động;
- Hoàn thiện và xây dựng thêm những chính sách liên quan đến lương sản phẩm cho khối CNSX để thu hút và nâng cao năng suất làm việc của người lao động.

- Liên kết với các tổ chức giáo dục trực thuộc HungHau Holdings tổ chức các khóa đào tạo vừa học vừa làm, tạo điều kiện cho người lao động có cơ hội nâng cao kiến thức, thay đổi môi trường làm việc, có thu nhập tốt hơn.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chính sách đãi ngộ như hỗ trợ tiền thuê nhà trọ, hỗ trợ tiền giữ con nhỏ dưới 07 tuổi cho NLĐ yên tâm sản xuất & gắn bó lâu dài. Các phúc lợi, đãi ngộ khác, nhằm thu hút và giữ chân người lao động.
- Hoàn thiện đội ngũ nhân sự và hệ thống thang bảng lương Công ty.

Ngoài ra, với mong muốn tạo dựng môi trường làm việc năng động và đoàn kết, Công ty tổ chức những hoạt động như vui chơi giải trí, nghỉ mát hàng năm cho cán bộ, nhân viên; đưa ra các phong trào thi đua, khen thưởng cho cá nhân và tập thể có năng suất lao động tốt.

**Hoạt động xã hội**

Xã hội là nền tảng của mọi tổ chức trong nền kinh tế. Hiểu được điều đó, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CB - CNV luôn tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội nhằm góp phần chung tay xây dựng một cộng đồng phát triển, tiến bộ thông qua các hoạt động thiện thiện như: tổ chức các đợt vận động quyên góp toàn Công ty ủng hộ đóng bảo miền Trung bị lũ lụt, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức và tham gia chương trình chăm lo Tết cho người nghèo và hỗ trợ xóa đói giảm nghèo tại địa phương nơi Công ty đặt trụ sở. Bên cạnh đó, Công ty cũng phối hợp với các đơn vị khác tham gia tổ chức vui trung thu cho trẻ em tại các xã Tân Phú Trung & Lớp học tình thương tại Đình Phú Định - Quận 6 nhằm mang đến niềm vui, hạnh phúc cho các em trong ngày lễ này.







## CHƯƠNG 03 BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty





### Tình hình chung

Theo Tổng cục Hải quan, kết thúc 10 tháng đầu năm 2019, trị giá hàng hóa xuất khẩu đạt 218,82 tỷ USD, tăng 8,3% và nhập khẩu đạt 209,81 tỷ USD, tăng 7,7%. Đi ngược lại bởi cạnh xuất khẩu chung cả nước, nhóm hàng thủy sản trong 10 tháng đầu năm nay đạt 7,06 tỷ USD, giảm 2,4% so với cùng kỳ năm 2018.

Xuất khẩu tôm tiếp tục xu hướng sụt giảm từ năm 2018. Nguyên nhân là do nửa đầu năm nay, sản lượng tôm tăng, giá tôm nguyên liệu giảm, trong khi lượng tồn kho tôm tại các thị trường cao. Theo Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), xuất khẩu cá tra tiếp tục giảm 11% trong tháng 10 đạt 201,5 triệu USD do ảnh hưởng của thuế CBPG giai đoạn POR14 ở mức cao. XK cá ngừ tăng 14% đạt 618 triệu USD, mực bạch tuộc giảm 11% đạt 480 triệu USD, các loại cá biển khác tăng 17% đạt 1,38 tỷ USD.

Các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam phải đối mặt với các rào cản kỹ thuật và bảo hộ thương mại như các quy định kiểm tra hóa chất, kháng sinh; chống bán phá giá; kiểm soát thương mại tiểu ngạch và kiểm tra an toàn thực phẩm ... làm ảnh hưởng đến sự phát triển của doanh nghiệp. Đồng thời, các doanh nghiệp thủy sản từ Ấn Độ, Trung Quốc ... cũng đang đẩy mạnh chiến lược marketing, mở rộng quy mô về sản lượng sản xuất, các chính sách ưu đãi về giá thành, gây sức ép lên các doanh nghiệp Việt Nam, trong đó có Công ty Cổ phần Hùng Hậu.





**Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chi tiêu	TH Năm 2018	TH Năm 2019	KH Năm 2019	% tăng/giảm	
				TH 2019/TH2018	TH 2019/KH 2019
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.032.842	1.110.644	1.030.000	7,53%	8%
Giá vốn hàng bán	939.471	1.014.713		8,01%	
Lợi nhuận gộp bán hàng & cung cấp dịch vụ	93.371	95.932		2,74%	
Doanh thu hoạt động tài chính	12.336	5.903		(52,15%)	
Chi phí tài chính	39.447	39.155		(0,74%)	
Chi phí bán hàng	16.745	12.429		(25,77%)	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.832	19.191		(3,23%)	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	29.683	31.059		4,64%	
Lợi nhuận khác	489	297		(39,25%)	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.171	31.356	35.000	3,93%	10%
Thuế TNDN	5.691	6.235		9,56%	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	24.480	25.120		2,62%	







## Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	30/09/2018		30/09/2019		% tăng/giảm 2019/2018
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	580.817	60,95%	599.736	63,67%	3,26%
Tài sản dài hạn	372.063	39,05%	342.252	36,33%	-8,01%
Tổng tài sản	952.879	100,00%	941.988	100,00%	-1,14%

Năm 2019, Tài sản Công ty đạt gần 942 tỷ đồng, giảm 1,14% so với năm 2018, trong đó, tài sản dài hạn giảm 8,01%. Nguyên nhân chủ yếu là do, Công ty tiến hành thanh lý, nhượng bán các tài sản cố định gần hết khấu hao, dẫn đến khoản mục tài sản cố định giảm 16,3%, tương đương giảm 49 tỷ đồng. Mặt khác, Công ty tiếp tục triển khai thực hiện xây dựng Nhà máy Thủy sản Sa Đéc Đồng Tháp nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong thời gian tới. Từ đó, khoản mục Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng 5 tỷ đồng, tương ứng tăng 38% so với cùng kỳ.

Bên cạnh đó, Tài sản ngắn hạn đến thời điểm 30/09/2019 đạt 599,7 tỷ đồng, chiếm 63,67% cơ cấu tài sản. Lượng hàng tồn kho của Công ty đạt 208 tỷ đồng, tăng 11,24% so với năm 2018. Trong dịp cuối năm, các sản phẩm như thịt heo gặp nhiều khó khăn do bệnh dịch, nhu cầu tiêu thụ thủy sản được tác động tích cực. Do đó, Công ty đẩy mạnh sản xuất nhằm kịp thời cung ứng cho thị trường

## CƠ CẤU TÀI SẢN CỦA CÔNG TY



## Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	30/09/2018		30/09/2019		% tăng/giảm 2019/2018
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	534.634	78,89%	534.145	81,57%	-0,09%
Nợ dài hạn	143.046	21,11%	120.691	18,43%	-15,63%
Tổng nợ phải trả	677.680	100,00%	654.836	100,00%	-3,37%

## CƠ CẤU NGUỒN VỐN CỦA CÔNG TY



Tính đến thời điểm 30/09/2019, Tổng nợ phải trả của Công ty là 654,8 tỷ đồng, giảm 3,37% so với cùng kỳ năm 2018. Các khoản nợ của Công ty tập trung chủ yếu ở các khoản phải trả người bán và nợ vay ngân hàng. Trong năm 2019, Công ty thanh toán các khoản phải trả cho người bán nhằm giữ uy tín đối với đối tác của mình, dẫn đến khoản mục phải trả cho người bán ngắn hạn giảm 34 tỷ đồng, tương đương giảm 26,7%. Các khoản nợ vay luôn được thanh toán đúng hạn nhằm nâng cao hệ số tín nhiệm đối với các ngân hàng.







## Mục tiêu tài chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.100.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	33.000

## Mục tiêu khách hàng

- Đảm bảo duy trì hợp tác với khách hàng hiện hữu;
- Phát triển 04 khách hàng mới.
- Phát triển 02 thị trường mới.
- Phát triển thương hiệu
  - + Hợp tác kinh doanh đưa thương hiệu Hùng Hậu ra thị trường nước ngoài.
  - + Thực hiện việc đăng ký bản quyền và đưa sản phẩm phân phối vào kênh HRC/ kênh MT cho 02 thương hiệu SEAJO CASE và SEAJO CREPE
  - + Đưa sản phẩm mang thương hiệu B'LAO COFFEE phân phối vào kênh HRC/ hoặc MT của thị trường nội địa.
  - + Tham gia hội chợ quốc tế/ thăm khách hàng nước ngoài

## Mục tiêu công tác quản lý sản xuất

- Sản lượng đạt:
  - + Sản lượng sản xuất hàng GTGT đạt: 2.438.000 kg.
  - + Sản lượng kinh doanh thương mại đạt: 1.680.000 kg.
  - + Sản lượng hàng Thủy sản đạt: 19.439.000 kg.
- Kiểm soát chất lượng sản xuất hàng xuất khẩu.
- Kiểm soát tỷ lệ sản phẩm bị lỗi, hư hỏng, đổi trả.
- Không để vướng các quy định về tiêu chuẩn hàng hóa xuất khẩu vào các thị trường.

## Mục tiêu quản trị hệ thống

- Hoàn thành Bộ từ điển năng lực cho các vị trí chức danh.

## Hành chính Nhân sự

- Đào tạo phát triển kỹ năng, nghiệp vụ, chuyên môn cho nhân viên Phát triển Kinh doanh, nhân viên Mua hàng ít nhất 02 lần/năm. Mục tiêu này được đánh giá định kỳ bán niên theo kế hoạch hành động của Khối.
- Đảm bảo tuân thủ 100% quy định của tổ chức, áp dụng từ ngày 01/10/2019. Mục tiêu này được đánh giá định kỳ hằng tháng.







**Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường**

STT	Diễn Giải	Nơi cung cấp	Tiêu thụ	Tiêu thụ gián tiếp	Ghi chú
1	Điện năng tiêu thụ 12 tháng	Điện lực Củ Chi	2.898.616		
2	Nguồn cấp nước và lưu lượng nước sử dụng 12 tháng	Khu công nghiệp Tân Phú Trung	48.000m3/năm		
3	Nguồn cấp nước và lưu lượng nước sử dụng 12 tháng	Khu Công nghiệp Sa Đéc – Đồng Tháp	168.000m3/năm		
4	Lưu lượng nước thải 12 tháng	Khu công nghiệp tiếp nhận	80,622 m3		
5	Vé tiêu chuẩn hệ thống xử lý nước thải		Xử lý nước đạt QCVN 40:2011/ BTNMT- cột B	Khí xử lý đạt loại B chuyển cho khu công nghiệp xử lý ra loại A	
6	Báo cáo giám sát môi trường				Theo công văn của HEPZA (Không có báo cáo khí không phát sinh khí thải từ năm 2018)
7	Báo cáo giám sát môi trường làm việc	Trung tâm bảo vệ sức khỏe lao động – môi trường	1 năm lần		Môi trường lao động đảm bảo cho NLD làm việc

**Tiêu thụ năng lượng**

Điện năng là nguồn năng lượng quan trọng trong quá trình sản xuất của Công ty. Điện năng tiêu thụ để: chạy hệ thống cấp đông, kho lạnh, hệ thống hấp chiên và chiếu sáng phục vụ sản xuất, điện lưới trạm biến áp công suất 2500 KVA, Máy phát dự phòng chạy bằng dầu Diezen công suất 820 KVA, ... Ngoài ra, điện năng còn được dùng trong sinh hoạt như: hệ thống xử lý nước thải, nấu ăn, hệ thống đèn chiếu sáng, trang thiết bị máy móc văn phòng, điều hoà không khí,...

Tuy nhiên, Công ty hiểu rằng tiết kiệm năng lượng là góp phần bảo vệ môi trường, nên toàn thể Công ty luôn nghiêm túc thực hiện chính sách môi trường như:

- Công ty đã chuyển từ sử dụng đèn huỳnh quang sang sử dụng đèn led chiếu sáng phục vụ trong sản xuất nên tiết kiệm khoảng 60% điện năng tiêu thụ.
- Sử dụng biến tăng cho các thiết bị điện có công suất từ 3kw trở lên.
- Đưa ra các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.
- Định mức điện hàng năm: 1.0kwh/1kgTP năm 2017; 0,94kwh/1kgTP năm 2018; 0,85kwh/1kgTP đến tháng 9/2019

**Tiêu thụ nước**

- Tại nhà máy Khu Công nghiệp Tân Phú Trung – Củ Chi, Nhà máy sử dụng nước thủy cục do khu công nghiệp cung cấp và không có sử dụng nước giếng khoan, sử dụng nước trung bình khoảng 48.000m3/ năm, không có sử dụng nước tái chế lại.
- Tại nhà máy Khu Công nghiệp Sa Đéc – Đồng Tháp, Nhà máy sử dụng nước thủy cục do khu công nghiệp cung cấp và giếng khoan công suất: 460m3/24h, sử dụng nước trung bình khoảng 168.000m3, không có sử dụng nước tái chế lại.
- Từ ngày đi vào hoạt động nhà máy luôn tuân thủ đầy đủ về các quy định về môi trường chưa bị xử phạt lần nào.







## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### Đánh giá liên quan đến vấn đề lao động

Từ khi thành lập đến nay, Công ty luôn chú trọng đến yếu tố con người bởi người lao động là tài sản vô giá của Công ty. Ngoài những chính sách đào tạo, lương, thưởng, trợ cấp, người lao động còn được tham gia các hoạt động vui chơi, giải trí do Công ty tổ chức nhằm xây dựng một môi trường làm việc làm việc thân thiện, đoàn kết cho người lao động. Từ đó, phát huy tối đa năng lực bản thân và nâng cao mối quan hệ giữa người lao động và cán bộ quản lý.



### Đánh giá liên quan đến vấn đề cộng đồng

Toàn bộ Công ty luôn phấn đấu cao trong công việc để đạt được những thành tích vượt trội, qua đó đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng đất nước và nâng cao hình ảnh Dân tộc trên trường quốc tế. Tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện để giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn. Sống và tư duy tích cực, thể hiện trình độ văn hóa cao, qua đó góp phần thúc đẩy sự phát triển văn minh xã hội. Công ty luôn nhận thức trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương không chỉ là những hoạt động tài trợ tài chính mà còn là ý thức đảm bảo môi trường sống sạch và an toàn cho các hộ gia đình trên địa bàn hoạt động





## **CHƯƠNG 04**

# **ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- Các mặt hoạt động của Công ty
- Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty
- Các kế hoạch, định hướng trong tương lai





## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

### Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, tài chính

- Tổng doanh thu đạt 1.110.644.062.847 đồng, bằng 108% kế hoạch năm 2019 và bằng 108% so với năm 2018.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 31.355.806.931 tỷ đồng, bằng 90% kế hoạch năm 2019 và bằng 104% so với năm 2018.
- Tổng tài sản tại ngày 30/9/2019 đạt 941.988.338.690 đồng, giảm 01% so với cùng thời điểm của năm 2018.
- Tài sản ngắn hạn tại ngày 30/9/2019 đạt 599.736.314.694 đồng, tăng 03% so với cùng thời điểm của năm 2018.
- Tài sản dài hạn tại ngày 30/9/2019 đạt 342.252.023.996 đồng, giảm 08% so với cùng thời điểm của năm 2018.
- Vốn chủ sở hữu tại ngày 30/9/2018 đạt 287.152.269.578 đồng, tăng 04% so với cùng thời điểm của năm 2018.



### Tăng vốn điều lệ

- Hoàn thành việc tăng vốn cổ phần thông qua phát hành cổ phiếu chỉ trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2019 nên vốn điều lệ được tăng từ 199.070.530.000 đồng thành 211.012.440.000 đồng. Vốn điều lệ mới đã góp phần nâng cao hình ảnh và quy mô doanh nghiệp cũng như tăng cường năng lực cạnh tranh của Công ty.
- Công ty niêm yết và giao dịch số lượng cổ phiếu tăng thêm cùng với việc sửa đổi điều lệ và thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được thực hiện kịp thời.



### Tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực

- Thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ về bảo hiểm, tiền lương, tiền thưởng và các phúc lợi theo quy định của pháp luật Nhà nước và Công ty.
- Từ tháng 1/2019, Công ty CP Nông nghiệp Hùng Hậu đã có đợt điều chỉnh tăng lương bình quân 6,9% và áp dụng chế độ thưởng hàng tháng theo kết quả kinh doanh.

### Sản xuất

- Công ty mở rộng sản xuất các mặt hàng GTGT chủ lực tại cả hai Nhà máy thông qua việc đẩy mạnh sản lượng dựa vào ưu thế vùng miền để sản xuất hàng GTGT tại nhà máy số 3 – HAF và nhà máy số 1 - HA1, qua đó đáp ứng được nhu cầu thị trường và khách hàng.
- Tình hình chế biến mặt hàng thủy sản tại Nhà máy số 3 – HAF cũng từng bước đi vào ổn định và đảm bảo cho các đơn hàng xuất khẩu kể từ tháng 1/2019.
- Công tác quản lý chất lượng sản phẩm được duy trì và phát huy tốt thông qua việc vận hành các hệ thống quản lý chất lượng ISO, BRC, HACCP, HALAL để kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm cuối cùng. Vì vậy, trong năm qua tình hình sản phẩm đạt chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng và đáp ứng nhu cầu thị trường





**Hùng Hậu - Đột phá về phong cách, sáng tạo về ý tưởng, đa dạng về chủng loại**





## ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG VÀ THÙ LAO CỦA HĐQT 2017 - 2018

Hội đồng Quản trị Công ty đã triển khai các hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật hiện hành. Trong năm tài chính 2019, HĐQT đã tổ chức 11 cuộc họp HĐQT và xin ý kiến bằng văn bản.

Các cuộc họp được chuẩn bị chu đáo, các nội dung họp sát với tình hình kinh tế xã hội và tập trung vào các vấn đề như: định hướng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư phát triển, công tác quản trị.... Các nghị quyết hoặc các quyết định của HĐQT đều được các thành viên thống nhất 100%, đảm bảo phù hợp với chủ trương chính sách của Nhà nước. Nhờ đó, duy trì ổn định mọi mặt hoạt động của Công ty, cụ thể những nội dung đã thông qua như sau:

- Xem xét phê duyệt kết quả thực hiện SXKD định kỳ hàng quý và phương hướng quý sau để có chỉ đạo cụ thể đến Ban Tổng Giám đốc.
- Giám sát công tác điều hành sản xuất kinh doanh, hoạt động quản lý của Ban Tổng Giám đốc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.
- Quyết định công tác bổ nhiệm/ miễn nhiệm nhân sự chủ chốt thuộc thẩm quyền HĐQT.
- Quyết định và giám sát chặt chẽ công tác đầu tư thuộc thẩm quyền HĐQT.
- Giám sát việc triển khai thực hiện các mục tiêu trọng tâm, phát triển sản phẩm chủ lực, nâng cấp nhà xưởng, đầu tư mới và đại tu máy móc thiết bị đúng quy định, nhanh chóng và tiết kiệm, đáp ứng tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2019 vào ngày 19/01/2019.
- Tổ chức lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông năm 2019 vào ngày 27/08/2019.
- Chỉ trả cổ tức năm 2018 là 12%/vốn điều lệ, trong đó tiền mặt là 6% và chỉ trả bằng cổ phiếu là 6% theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2019.
- Giám sát thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp tại Sở kế hoạch và Đầu tư TP. HCM về bổ sung ngành nghề, thay đổi vốn điều lệ và người đại diện pháp luật.
- Chỉ đạo công tác công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời về kết quả hoạt động SXKD, báo cáo tài chính định kỳ theo đúng quy định.
- Kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Trong năm tài chính 2019, HĐQT đã tập trung giám sát, chỉ đạo và thực hiện tốt các nhiệm vụ theo tinh thần nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, duy trì ổn định các hoạt động của Công ty.

Thù lao của các thành viên HĐQT, BKS trong năm 2019 là 3% lợi nhuận sau thuế. Thuế TNCN phát sinh cá nhân tự đóng (căn cứ Nghị quyết HĐQT ngày 19/01/2019).





HDQT đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tài chính 2019 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên

Trong quá trình điều hành, Ban Tổng Giám đốc luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, linh hoạt, sáng tạo, đồng thời thường xuyên báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của HDQT, với những công việc:

- Thực hiện quy định của Pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của HDQT để triển khai các giải pháp cần thiết trong công tác quản trị doanh nghiệp.
- Tình hình tài chính được kiểm soát hiệu quả.
- Vốn Chủ sở hữu bảo toàn và phát triển năm sau cao hơn năm trước.
- Thực hiện đúng quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về công bố thông tin chính xác, minh bạch, giúp cho các nhà đầu tư hiểu rõ về Công ty.
- Bảo trì, bảo dưỡng và đại tu hệ thống nhà xưởng, máy móc thiết bị đúng quy định, nhanh chóng và có tiết kiệm, đáp ứng tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đối mới, sắp xếp đội ngũ cán bộ chủ chốt của Công ty, thực hiện tốt các chính sách tiền lương, cải thiện điều kiện làm việc, điều kiện ăn ở, sinh hoạt cho người lao động và chế độ phúc lợi cho người lao động qua đó đảm bảo việc làm ổn định cho 100% người lao động trong Công ty với mức thu nhập bình quân tăng hơn 6.9% so với năm 2018.

CHÀO MỪNG NGÀY PHỤ NỮ VIỆT NAM 20-10

PHỤ NỮ HÙNG HẬU

"Giỏi giang - Tự tin - Sáng tạo"

năm 2018



### Các chỉ tiêu cơ bản

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm tài chính 2020
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.100.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	33.000
3	Cổ tức dự kiến	%/ năm	12

### Các chỉ tiêu cơ bản

- Triển khai Dự án Nhà máy mới (HAC) tại Khu CN Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp bên cạnh Nhà máy HAF dự kiến hoàn thành trước ngày 30/09/2020.
- Cải tạo cơ sở vật chất và đầu tư máy móc thiết bị, đổi mới công nghệ cho các Nhà máy hiện tại theo định hướng sản xuất công nghiệp quy mô lớn với nguồn nguyên liệu từ nông nghiệp.
- Ổn định nguồn nguyên liệu đầu vào thông qua việc tiếp tục tìm kiếm nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ nước ngoài; đồng thời xây dựng chuỗi liên kết từ Nhà cung cấp – Nhà sản xuất – Khách hàng để kiểm soát chất lượng nguồn gốc sản phẩm và nâng cao giá trị sản phẩm đầu ra.
- Tăng cường công tác kiểm soát rủi ro, quản trị công ty, cải tiến kỹ thuật, tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin, hệ thống ERP để nâng cao năng suất làm việc, cập nhật số liệu sản xuất kinh doanh một cách kịp thời, qua đó góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm đồng thời hỗ trợ Ban Giám đốc kịp thời trong các quyết định sản xuất kinh doanh hàng ngày.
- Đa dạng hóa sản phẩm đầu ra, phát huy thế mạnh và vị thế những sản phẩm hiện hữu và nghiên cứu cho ra nhiều dòng sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu của thị trường.
- Tiếp tục triển khai chiến lược tăng năng lực tài chính và mở rộng quy mô hoạt động. Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục tìm kiếm, lựa chọn đối tác chiến lược về tài chính để hỗ trợ, bổ sung cho nguồn vốn lưu động và phục vụ công tác đầu tư – xây dựng cơ bản.
- Xây dựng và áp dụng các chương trình tiết giảm chi phí sản xuất, bán hàng và quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục nâng cao đời sống và thu nhập cho người lao động, cải thiện môi trường làm việc để Nông nghiệp Hùng Hậu luôn là môi trường hấp dẫn và nâng cao sức sáng tạo, cống hiến, gắn bó của người lao động với Công ty.





## CHƯƠNG 05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích





## Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Trần Văn Hậu	Chủ tịch	Thành viên không điều hành
2	Từ Thanh Phụng	Phó Chủ tịch	Thành viên điều hành
3	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên	Thành viên không điều hành
4	Ngô Đức Dũng	Thành viên	Thành viên không điều hành
5	Đinh Thị Bích Hà	Thành viên	Thành viên không điều hành
6	Trần Thanh Hương	Thành viên	Thành viên không điều hành
7	Võ Minh Khang	Thành viên	Thành viên không điều hành
8	Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên	Thành viên độc lập



## Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

Trong năm tài chính 2018 - 2019, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 (năm chuyển đổi tài chính từ ngày 01/10/2018 đến ngày 30/09/2019) và Đại hội ban hành nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ. Cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Số 01.2019/ NQ-ĐHĐCĐ	19/01/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2018 và kế hoạch năm 2019.</li> <li>Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018.</li> <li>Thông qua báo cáo hoạt động BKS năm 2018.</li> <li>Thông qua phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2018.</li> <li>Thông qua việc phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.</li> <li>Thông qua Bổ sung ngành nghề kinh doanh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.</li> <li>Thông qua việc chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.</li> <li>Thông qua Thù lao, thưởng Hội đồng quản trị,</li> <li>Thư ký, Ban kiểm soát năm 2018.</li> <li>Thông qua việc Thôi nhiệm Trưởng ban và Thành viên ban kiểm soát.</li> <li>Thông qua Danh sách ứng viên để bầu bổ sung vào Thành viên ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020.</li> </ul>
2	Số 02.2019/ NQ-ĐHĐCĐ	27/08/2019	<p>Thông qua tờ trình về việc Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu nâng tỷ lệ sở hữu đạt tối đa 52% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu mà không thực hiện chào mua công khai</p>



**Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Trần Văn Hậu	Chủ tịch HĐQT	Ngày bắt đầu là CT. HĐQT 01/07/2011	9/9	100%	
2	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngày bắt đầu là TV. HĐQT 18/04/2015	9/9	100%	Ngày trùng cử PCT. HĐQT là 14/01/2019
3	Từ Thanh Phụng	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là TV. HĐQT 26/04/2014	9/9	100%	
4	Ông Trần Thanh Hương	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là TV. HĐQT 30/01/2018	9/9	100%	Ngày trùng cử TV. HĐQT là 30/01/2018
5	Ngô Đức Dũng	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là TV. HĐQT 07/05/2010	9/9	100%	
6	Đinh Thị Bích Hà	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là TV. HĐQT 18/04/2015	9/9	100%	
7	Võ Minh Khang	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là TV. HĐQT 21/12/2016	9/9	100%	
8	Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là TV. HĐQT 07/05/2010	8/9	89%	

\* Bao gồm: Các cuộc họp trực tiếp và các lần xin ý kiến Thành viên HĐQT bằng văn bản

**Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

Không có

**Danh sách các Thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ về quản trị Công ty. Danh sách các Thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm**

Không có

**Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số 01/NQ-HĐQT	07/01/2019	Thông qua Đơn xin từ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc của ông Đinh Nhân Thiên Phúc kể từ ngày 07/01/2019.
2	Số 02/NQ-HĐQT	07/01/2019	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2019: <ul style="list-style-type: none"> <li>Thời gian: 19/01/2019.</li> <li>Địa điểm: Khách sạn Grand Hotel Saigon – Số 8, Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. HCM.</li> </ul>
3	Số 03/NQ-HĐQT	14/01/2019	Thông qua việc bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Thanh Tâm (CCCD số: 074180000130) thay thế ông Từ Thanh Phụng giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu, nhiệm kỳ 2015 – 2020 kể từ ngày 14/01/2019.
4	Số 04/NQ-HĐQT	12/02/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua việc thôi nhiệm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với ông Nguyễn Minh Hoàng kể từ ngày 12/02/2019.</li> <li>Thông qua việc bổ nhiệm bà Phạm Thị Bích Như giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu kể từ ngày 12/02/2019.</li> </ul>
5	Số 05/NQ-HĐQT	08/04/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua việc thành lập Văn phòng đại diện tại 736 – 738 Điện Biên Phủ, Phường 10, Quận 10, TP. HCM.</li> <li>Thông qua việc thành lập Chi nhánh Nhà máy 3 – Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu tại Khu C, Khu CN Sa Đéc, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp.</li> </ul>
6	Số 06/NQ-HĐQT	03/06/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để trả cổ tức; triển khai thực hiện phương án phát hành.</li> </ul> <p>Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với các nội dung chính như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông lấy ý kiến bằng văn bản: 07/08/2019.</li> <li>Thời gian tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản dự kiến: 20/08/2019 - 27/08/2019</li> </ul>
7	Số 07/NQ-HĐQT	16/07/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>Địa điểm lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu – 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Tp.HCM</li> <li>Nội dung lấy ý kiến: Thông qua cho phép Công ty Cổ phần Phát Triển Hùng Hậu mua thêm/ nhận chuyển nhượng cổ phần làm thay đổi tỷ lệ sở hữu đạt trên mức 51% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Hùng Hậu mà không thực hiện Chào mua công khai</li> </ul>





## Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
8	Số 08/NQ-HĐQT	31/07/2019	Thông qua việc sửa đổi Điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận ĐKKD, đăng ký chứng khóa bổ sung với VSD và niêm yết bổ sung với HNX
9	Số 09/NQ-HĐQT	08/08/2019	Thông qua bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty đối với bà Cao Trịnh Thị Thúy Vy
10	Số 10/NQ-HĐQT	05/09/2019	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thôi nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với ông Trần Thanh Hương</li> <li>• Bổ nhiệm ông Từ Thanh Phụng giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.</li> </ul>
11	Số 11/NQ-HĐQT	29/09/2019	Thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trị giá 10% tổng vốn điều lệ của Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu cho Công ty TNHH Thực phẩm Hùng Hậu với giá 8.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám tỷ đồng chẵn)
12	Số 01.2019/QĐ-HĐQT	12/02/2019	Thôi nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với ông Nguyễn Minh Hoàng.
13	Số 02.2019/QĐ-HĐQT	12/02/2019	Bổ nhiệm bà Phạm Thị Bích Như giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu.
14	Số 03.2019/QĐ-HĐQT	08/08/2019	Bổ nhiệm bà Cao Trịnh Thị Thúy Vy giữ chức vụ Người phụ trách quản trị công ty.
15	Số 04.2019/QĐ-HĐQT	05/09/2019	Thôi nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đối với ông Trần Thanh Hương
16	Số 05.2019/QĐ-HĐQT	05/09/2019	Bổ nhiệm ông Từ Thanh Phụng giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu



## Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc

Năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu đã chỉ đạo và giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các công tác quản lý điều hành khác; phối hợp với Ban kiểm soát kiểm tra, đôn đốc thực hiện các công việc, cụ thể sau:

- Tiếp tục triển khai chiến lược xây dựng và phát triển Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu theo mô hình Tổng Công ty với các Công ty thành viên độc lập về hoạt động thường xuyên nhưng chịu sự chi phối từ Công ty mẹ về các hoạt động chủ chốt.
- Giám sát công tác điều hành sản xuất kinh doanh, hoạt động quản lý thông qua dự báo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo tháng, quý nhằm chủ động khắc phục và huy động, bổ sung các nguồn lực về con người, tài chính, ... của Ban Tổng Giám đốc để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch.
- Triển khai thực hiện các mục tiêu trọng tâm, phát triển sản phẩm chủ lực.
- Triển khai thực hiện nâng cấp nhà xưởng, đầu tư môi và đại tu máy móc thiết bị đúng quy định, nhanh chóng và tiết kiệm, đáp ứng tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Quản lý, kiểm soát tốt công nợ, hàng tồn kho, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, nguồn vốn của công ty.
- Phân công quyền hạn, trách nhiệm công việc cụ thể giữa các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc.
- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2019 vào ngày 19/01/2019.
- Tổ chức lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông năm 2019 vào ngày 27/08/2019.
- Thực hiện thay đổi giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 06/06/2019. Lý do: Bổ sung ngành nghề.
- Thực hiện thành công: Thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp lần thứ 21 được Sở kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp ngày 06/08/2019 và sửa đổi bổ sung Điều lệ công ty ngày 01/08/2019 do thay đổi vốn điều lệ.
- Thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp lần thứ 22 được Sở kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp ngày 13/09/2019. Lý do: Thay đổi người đại diện pháp luật.
- Kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước.
- Công bố thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu, theo quy định của Luật chứng khoán.



# Heart

## Trái tim Hùng Hậu



### BAN KIỂM SOÁT

#### Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Đinh Thị Bảo Yến	Trưởng ban	
2	Dư Thiện Minh Trang	Thành viên	
3	Phạm Nguyễn Linh	Thành viên	

#### Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Đinh Thị Bảo Yến	Trưởng BKS	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ngày bắt đầu là TV. BKS 19/01/2019</li> <li>Ngày bắt đầu là Trưởng BKS 19/02/2019</li> </ul>	3/3	100%	
2	Dư Thiện Minh Trang	Thành viên BKS	Ngày bắt đầu là TV BKS 19/01/2019	2/3	67%	
3	Phạm Nguyễn Linh	Thành viên BKS	Ngày bắt đầu là TV. BKS 19/01/2019	2/3	67%	

#### Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban điều hành và cổ đông

- Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành Công ty.
- Kiểm tra và xem xét tính hợp lý, hợp pháp các quy trình, quy chế nội bộ của Công ty.
- Giám sát quá trình chuẩn bị ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2019 được tổ chức vào ngày 19/01/2019.
- Giám sát HĐQT, Ban Giám đốc điều hành Công ty thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong năm 2019.
- Giám sát quá trình tổ chức lấy ý kiến ĐHCĐ năm 2019 được tổ chức vào ngày 27/08/2019.
- Kiểm tra, xem xét báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán trước khi trình HĐQT.
- Kiểm soát các báo cáo tài chính quý, bán niên và năm tài chính nhằm đánh giá trung thực các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.

#### Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Ban Kiểm soát luôn phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các bộ phận quản lý khác để nắm tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến kịp thời với Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra.





Giao dịch của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ

STT	Tên cổ đông nội bộ	Chức vụ/Liên quan	Số lượng CP trước giao dịch	Số lượng CP sau giao dịch	Thời gian thực hiện	Lý do tăng/giảm số hữu
1	Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	Ông Trần Văn Hậu là người đại diện pháp luật Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	6,491,306	6,839,907	17/05/2019	Tăng số hữu. Lý do: Đầu tư



Lương, thưởng, thủ lao và các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Lương công việc	Lương hiệu quả	Thưởng
1	Hội đồng quản trị	-	-	-
	Trần Văn Hậu	72,000,000	-	-
	Nguyễn Thị Thanh Tâm	59,400,000	-	-
	Từ Thanh Phụng	55,800,000	-	-
	Trần Thanh Hương	54,000,000	-	-
	Ngô Đức Dũng	54,000,000	-	-
	Đinh Thị Bích Hà	54,000,000	-	-
	Võ Minh Khang	54,000,000	-	-
	Tôn Thất Diên Khoa	54,000,000	-	-
2	Ban kiểm soát	-	-	-
	Đinh Thị Bảo Yến	45,150,000	-	-
	Dư Thiện Minh Trang	18,000,000	-	-
	Phạm Nguyễn Linh	24,000,000	-	-
3	Ban thư ký	-	-	-
	Cao Trịnh Thủy Vy	36,000,000	-	-





## **CHƯƠNG 06**

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính được kiểm toán





**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP  
HÙNG HẬU**

Báo cáo tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2019  
đã được kiểm toán

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT**  
**NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)**  
Địa chỉ ĐKKD: 29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Tel: 028. 3910 4881  
Địa chỉ giao dịch: 26 Nguyễn Huy Tú, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Tel: 028. 3910 4881/ 3820 6881 - Fax: 028. 3820 6881

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU**  
1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, TP. HCM

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 – 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	09 – 34



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2019.

### Khái quát

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ Công ty Cổ phần Thủy sản số 1) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302047389, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 7 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 13 tháng 9 năm 2019 do Số Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- .....

Trụ sở chính của Công ty tại số 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

### Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

### Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Hậu	Chủ tịch	
Ông Từ Thanh Phụng	Phó Chủ tịch	Đến ngày 14/01/2019
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Phó Chủ tịch	Từ ngày 14/01/2019
Ông Từ Thanh Phụng	Thành viên	Từ ngày 14/01/2019
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên	Đến ngày 14/01/2019
Ông Trần Thanh Hương	Thành viên	
Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên	
Ông Võ Minh Khang	Thành viên	
Bà Đinh Thị Bích Hà	Thành viên	
Ông Ngô Đức Dũng	Thành viên	

### Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Thanh Hương	Tổng Giám đốc	Đến ngày 05/09/2019
Ông Từ Thanh Phụng	Tổng Giám đốc	Từ ngày 05/09/2019
Ông Tống Văn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Huỳnh Thanh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đinh Nhân Thiên Phúc	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 07/01/2019
Bà Nguyễn Minh Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 28/10/2019

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Ban kiểm soát

Bà Đinh Thị Bảo Yến	Trưởng ban	Từ ngày 19/02/2019
Ông Huỳnh Minh Tâm	Thành viên	Đến ngày 19/01/2019
Bà Đinh Thị Bảo Yến	Thành viên	Đến ngày 19/02/2019
Bà Dư Thiện Minh Trang	Thành viên	Từ ngày 19/02/2019
Ông Phạm Nguyễn Linh	Thành viên	Từ ngày 19/02/2019

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

### Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### Phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2019.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 12 năm 2019

Thay mặt Hội đồng Quản trị  
Chủ tịch

Trần Văn Hậu

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc

Từ Thanh Phụng



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỌC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu và công ty con, được lập ngày 6 tháng 12 năm 2019, từ trang 5 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu và công ty con tại ngày 30 tháng 9 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc

Kiểm toán viên



**Nguyễn Anh Tuấn**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1559-2018-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 12 năm 2019

**Nguyễn Văn Tinh**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3919-2017-152-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>599.736.314.694</b>	<b>580.816.523.603</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>8.757.555.529</b>	<b>5.655.648.463</b>
1. Tiền	111		8.757.555.529	5.655.648.463
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>22.425.918.329</b>	<b>20.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	22.425.918.329	20.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>352.252.496.086</b>	<b>349.985.564.452</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	334.265.473.366	340.765.982.980
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	15.487.234.910	7.383.888.235
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.499.787.810	1.835.693.237
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>208.384.965.347</b>	<b>187.325.573.149</b>
1. Hàng tồn kho	141		208.384.965.347	187.325.573.149
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.915.379.403</b>	<b>17.849.737.539</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	1.280.884.582	1.494.908.533
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.634.494.821	16.354.829.006
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>342.252.023.996</b>	<b>372.062.816.027</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>7.001.402.204</b>	<b>7.190.864.607</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	7.001.402.204	7.190.864.607
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>253.364.371.858</b>	<b>302.718.347.336</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	128.341.852.210	158.722.480.785
- Nguyên giá	222		200.679.416.698	222.195.773.090
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(72.337.564.488)	(63.473.292.305)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	28.465.786.798	35.462.465.332
- Nguyên giá	225		38.186.047.767	47.241.844.411
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(9.720.260.969)	(11.779.379.079)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	96.556.732.850	108.533.401.219
- Nguyên giá	228		102.281.820.014	113.027.012.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.725.087.164)	(4.493.611.031)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>19.823.120.850</b>	<b>14.311.043.278</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	19.823.120.850	14.311.043.278
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>32.475.500.000</b>	<b>16.715.500.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	900.000.000	900.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	31.325.500.000	15.815.500.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	250.000.000	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>29.587.629.084</b>	<b>31.127.060.806</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	29.587.629.084	31.127.060.806
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>941.988.338.690</b>	<b>952.879.339.630</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	300		654.836.069.112	677.679.932.818
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	310		534.145.321.513	534.633.969.928
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	93.501.928.947	127.635.020.032
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.912.558.991	2.741.397.086
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	7.556.142.520	12.653.810.207
4. Phải trả người lao động	314		11.236.594.493	9.501.639.129
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		99.234.019	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	1.372.800.000	5.808.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	5.312.872.170	7.232.349.490
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	413.108.400.551	368.993.185.950
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		44.789.822	68.567.637
<b>II. Nợ dài hạn</b>	330		120.690.747.599	143.045.962.890
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	19.030.307.500	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	11.854.775.000	30.854.775.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	89.805.665.099	112.191.187.890
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	400		287.152.269.578	275.199.406.812
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	410	V.17	287.152.269.578	275.199.406.812
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		211.012.440.000	199.070.530.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		211.012.440.000	199.070.530.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		46.428.827.960	46.428.827.960
3. Cổ phiếu quỹ	415		(10.100.000)	(10.100.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.508.887.768	4.019.289.456
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.212.213.850	25.690.859.396
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		91.729.505	1.210.943.813
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		25.120.484.345	24.479.915.583
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	440		941.988.338.690	952.879.339.630

Người lập biểu

*Nguyễn Thị Thanh Vân*

Nguyễn Thị Thanh Vân  
Ngày 6 tháng 12 năm 2019

Kế toán trưởng

*Phạm Thị Bích Như*

Phạm Thị Bích Như



Tổng Giám đốc

Từ Thanh Phụng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.110.978.346.446	1.033.216.336.014
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	334.283.599	374.542.294
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	1.110.644.062.847	1.032.841.793.720
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	1.014.712.530.647	939.470.933.869
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		95.931.532.200	93.370.859.851
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	5.903.065.233	12.336.405.740
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	39.154.985.506	39.447.152.745
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		37.891.153.113	37.081.229.757
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7a	12.429.255.610	16.745.023.104
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7b	19.191.333.443	19.832.424.554
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.059.022.874	29.682.665.188
12. Thu nhập khác	31	VI.8	1.115.557.284	592.786.635
13. Chi phí khác	32	VI.9	818.773.227	104.231.253
14. Lợi nhuận khác	40		296.784.057	488.555.382
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		31.355.806.931	30.171.220.570
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	6.235.322.586	5.691.304.987
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		25.120.484.345	24.479.915.583
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		25.120.484.345	5.517.290.785
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		-	-
			1.196	1.165
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	71	VI.11		

Người lập biểu

*Nguyễn Thị Thanh Vân*

Nguyễn Thị Thanh Vân  
Ngày 6 tháng 12 năm 2019

Kế toán trưởng

*Phạm Thị Bích Như*

Phạm Thị Bích Như



Tổng Giám đốc

Từ Thanh Phụng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	31.355.806.931	30.171.220.570
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ	02	16.970.594.579	18.980.229.333
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(7.727.905)	656.076.656
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.210.360.567)	(11.691.450.796)
- Chi phí lãi vay	06	37.891.153.113	37.081.229.757
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	80.999.466.151	75.197.305.520
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	26.274.214.162	(115.926.753.743)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(21.059.392.198)	32.386.355.522
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(32.246.922.004)	8.464.375.723
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	1.753.455.673	4.647.614.484
- Tiền lãi vay đã trả	14	(37.891.153.113)	(37.081.229.757)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.124.756.283)	(747.136.750)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.247.773.594)	(1.745.722.697)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>5.457.138.794</b>	<b>(34.805.191.668)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(14.514.114.824)	(11.443.946.784)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	26.812.226.406	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.675.918.329)	(27.000.000.000)
4. Tiền thu cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	21.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(20.510.000.000)	(33.885.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	52.125.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	1.356.352.776	874.034.128
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(9.531.453.971)</b>	<b>1.670.087.344</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	982.763.699.694	832.474.633.106
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(953.735.639.828)	(780.514.506.510)
3. Tiền trả nợ thuế tài chính	35	(9.905.428.193)	(8.885.783.697)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.948.147.800)	(13.128.442.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>7.174.483.873</b>	<b>29.945.900.699</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	<b>3.100.168.696</b>	<b>(3.189.203.625)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	<b>5.655.648.463</b>	<b>8.795.661.927</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.738.370	49.190.161
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	<b>8.757.555.529</b>	<b>5.655.648.463</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Vân

Phạm Thị Bích Như

Ngày 6 tháng 12 năm 2019

8



Từ Thanh Phụng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu (tên cũ Công ty Cổ phần Thủy sản số 1) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302047389, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 7 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 13 tháng 9 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 1004A Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản, nông sản, súc sản và các loại hàng hóa, máy móc thiết bị, vật tư nguyên liệu, hóa chất, công nghệ phẩm;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng nông sản;
- Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm;
- .....

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

Trong năm, Công ty không có thay đổi bất thường gì về đặc điểm hoạt động kinh doanh.

**6. Cấu trúc doanh nghiệp**

Danh sách Công ty con và Công ty liên kết được hợp nhất:

Tên Công ty	Tỷ lệ	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh
<b>Công ty con:</b>			
Công ty TNHH Nư nghiệp Hùng Hậu	65%	Lô C, Khu Công nghiệp Sa Đéc, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp	Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản .....
<b>Công ty liên kết:</b>			
Công ty TNHH Kho lạnh Gió Bắc	30%	Lô CV-2, Khu Công nghiệp Sa Đéc, Phường Tân Quy Đông, Thành phố Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa .....

9



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ 01/10 năm trước và kết thúc vào ngày 30/09 của năm nay.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở hợp nhất**

**Công ty con**

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong các báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính của công ty con được lập cho cùng năm tài chính của công ty, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của công ty.

**Các công ty liên doanh, liên kết**

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Các công ty liên doanh là các đơn vị có các hoạt động mà Công ty có quyền đồng kiểm soát, được thành lập theo thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí hoàn toàn về các quyết định tài chính và hoạt động chiến lược. Các công ty liên kết và công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày bên được đầu tư trở thành công ty liên doanh hoặc liên kết. Khi mua khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của bên được đầu tư được kế toán như sau:

a) Lợi thế thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Doanh nghiệp không được phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

b) Phần chênh lệch giữa phần sở hữu của nhà đầu tư trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của bên được đầu tư lớn hơn giá phí khoản đầu tư được ghi nhận ngay là thu nhập khi xác định phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết phù hợp với kỳ mua khoản đầu tư.

c) Các điều chỉnh đối với phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết sau ngày mua phải được thực hiện, ví dụ như sự suy giảm giá trị TSCĐ hoặc khấu hao TSCĐ dựa vào giá trị hợp lý của TSCĐ tại ngày mua.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của công ty liên kết tương ứng với tỉ lệ vốn mà Công ty nắm giữ. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của công ty liên kết tương ứng với tỉ lệ vốn mà Công ty nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Công ty ghi nhận phần tỉ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn chủ sở hữu tương ứng của Công ty.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cho cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

**Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư nội bộ và toàn bộ thu nhập và chi phí phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ đang nằm trong giá trị tài sản (như hàng tồn kho, tài sản cố định...) phải được loại trừ hoàn toàn. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra trừ khi giá vốn không thể được thu hồi. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ khỏi khoản đầu tư liên quan đến lợi ích của tập đoàn trong các đơn vị nhận đầu tư.

**2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu và phải thu khác**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 12 năm
- Phương tiện vận tải	04 – 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 06 năm
- Quyền sử dụng đất	32 – 44 năm
- Chương trình phần mềm	05 – 08 năm

**7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính**

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc và thiết bị	07 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	08 năm

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**8. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tin phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đời.

Dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**b) Công ty liên doanh, liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

**c) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**10. Nguyên tắc ghi nhận ghi nhận nợ phải trả và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

**17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**18. Báo cáo bộ phận**

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**19. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	2.048.011.757	394.063.286
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.709.543.772	5.261.585.177
<b>Cộng</b>	<b>8.757.555.529</b>	<b>5.655.648.463</b>

Số cuối năm  
Số đầu năm  
Đơn vị tính: VND

Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	22.425.918.329	22.425.918.329	20.000.000.000	20.000.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn bảo lãnh cho các khoản vay	14.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	8.425.918.329	8.425.918.329	6.000.000.000	6.000.000.000
b) Đầu tư tài chính dài hạn	32.475.500.000		16.715.500.000	
- Góp vốn liên doanh	900.000.000		900.000.000	
+ Công ty TNHH Khoa học Giáo Dục	900.000.000		900.000.000	
- Đầu tư vào đơn vị khác	31.325.500.000		15.815.500.000	
+ Công ty CP Thủy sản Năm Căn (15.952 CP)	159.520.000	239.280.000	159.520.000	207.376.000
+ Công ty CP Bao bì Thủy sản (6.598 CP)	65.980.000		65.980.000	
+ Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu	30.600.000.000		5.000.000.000	
+ Công ty TNHH Thực Phẩm Hùng Hậu	500.000.000		10.090.000.000	
+ Quỹ trái tim Hùng Hậu	250.000.000		500.000.000	
c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	250.000.000	250.000.000		
+ Trái phiếu (250 trái phiếu củaAGR kỳ hạn đến 24/9/2026)	250.000.000	250.000.000		
<b>Cộng</b>	<b>54.901.418.329</b>		<b>36.715.500.000</b>	

(\*) Tại ngày đầu năm và ngày cuối năm, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán này do các công ty này chưa niêm yết nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này chưa được trình bày trên thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	334.265.473.366	340.765.982.980
Phải thu khách hàng trong nước	297.023.531.796	321.437.373.764
Phải thu khách hàng nước ngoài	37.241.941.570	19.328.609.216
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
Xem thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất phần VII.1		
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Xây Dựng Hùng Hậu	1.164.740.945	1.164.740.945
Công ty CP Xây dựng Phát Triển Miền Tây	12.608.900.000	5.000.000.000
Công ty TNHH Cơ Điện Lạnh Sao Vàng	-	200.000.000
Các đối tượng khác	1.713.593.965	1.019.147.290
<b>Cộng</b>	<b>15.487.234.910</b>	<b>7.383.888.235</b>
5. Phải thu khác	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.499.787.810	1.835.693.237
Lãi tiền gửi dự thu	645.328.561	694.408.333
Phải thu tạm ứng cán bộ công nhân viên	172.541.200	442.508.904
Phải thu khác	1.681.918.049	698.776.000
b) Dài hạn	7.001.402.204	7.190.864.607
Ký quỹ thuế tài chính - Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	5.637.758.800	5.185.533.800
Thuế GTGT tài sản thuế tài chính	1.334.658.404	1.976.345.807
Phải thu khác	28.985.000	28.985.000
<b>Cộng</b>	<b>9.501.190.014</b>	<b>9.026.557.844</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

6. Hàng tồn kho	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.464.963.864	-	2.057.709.609	-
Công cụ, dụng cụ	2.354.130.426	-	2.599.178.239	-
Thành phẩm	202.565.871.057	-	182.668.685.301	-
<b>Cộng</b>	<b>208.384.965.347</b>	<b>-</b>	<b>187.325.573.149</b>	<b>-</b>
7. Chi phí trả trước	Số cuối năm	Số đầu năm		
	VND	VND		
a) Ngắn hạn	1.280.884.582	1.494.908.533		
Chi phí Bảo Hiểm chờ kết chuyển	215.725.855	282.778.662		
Tiền thuê đất	818.592.672	722.366.645		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	14.590.910	35.750.000		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	231.975.145	454.013.226		
b) Dài hạn	29.587.629.084	31.127.060.806		
Tiền thuê đất (*)	28.998.618.059	30.339.728.742		
Chi phí sửa chữa	591.011.025	782.529.032		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	4.803.032		
<b>Cộng</b>	<b>30.868.513.666</b>	<b>32.621.969.339</b>		

(\*) Trong đó: Tiền thuê đất trả trước một lần tại số 624 và 642 Âu Cơ, P.10, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh với thời gian thuê từ 32 - 42 năm đã được thế chấp đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín với giá trị còn phân bổ là 28.871.038.491 VND; Tiền thuê đất tại Lai Vung Đồng Tháp với giá trị còn phân bổ là 125.579.568 VND.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**9. Tăng, giảm tài sản cố định thuế tài chính**

	Đơn vị tính: VND		
	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	42.569.516.469	4.672.327.942	47.241.844.411
Thuế tài chính trong năm	2.352.341.356	-	2.352.341.356
Thanh lý, nhượng bán	11.408.138.000	-	11.408.138.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>33.513.719.825</b>	<b>4.672.327.942</b>	<b>38.186.047.767</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	10.080.793.217	1.698.585.862	11.779.379.079
Khấu hao tang trong năm	3.463.962.416	584.040.984	4.048.003.400
Thanh lý, nhượng bán	6.107.121.510	-	6.107.121.510
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.437.634.123</b>	<b>2.282.626.846</b>	<b>9.720.260.969</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	32.488.723.252	2.973.742.080	35.462.465.332
Tại ngày cuối năm	<b>26.076.085.702</b>	<b>2.389.701.096</b>	<b>28.465.786.798</b>

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Đơn vị tính: VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	112.743.912.250	283.100.000	113.027.012.250
Mua trong năm	1.483.137.252	110.000.000	1.593.137.252
Thanh lý, nhượng bán	12.338.329.488	-	12.338.329.488
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>101.888.720.014</b>	<b>393.100.000</b>	<b>102.281.820.014</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	4.304.753.306	188.857.725	4.493.611.031
Khấu hao tang trong năm	1.193.094.686	38.381.447	1.231.476.133
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.497.847.992</b>	<b>227.239.172</b>	<b>5.725.087.164</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	108.439.158.944	94.242.275	108.533.401.219
Tại ngày cuối năm	<b>96.390.872.022</b>	<b>165.860.828</b>	<b>96.556.732.850</b>
		<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay		94.521.915.122	106.570.202.044

21

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU  
1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, TP. HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND	
					Cộng	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	138.003.948.611	74.819.514.804	7.192.708.803	2.179.699.872	222.195.773.090	-
Số tăng trong năm	16.748.689.947	4.767.666.445	-	-	21.516.356.392	-
Số giảm trong năm	16.748.689.947	4.767.666.445	-	-	21.516.356.392	-
- Thanh lý, nhượng bán	121.255.158.664	70.051.849.359	7.192.708.803	2.179.699.872	200.679.416.698	-
<b>Số dư cuối năm</b>						
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	22.588.171.748	34.144.986.837	4.864.242.747	1.875.890.973	63.473.292.305	-
Khấu hao tang trong năm	4.512.804.252	6.637.478.701	447.117.805	93.714.288	11.691.115.046	-
Thanh lý, nhượng bán	1.651.777.510	1.175.065.383	-	-	2.826.842.893	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>25.449.198.490</b>	<b>39.607.400.185</b>	<b>5.311.360.552</b>	<b>1.969.605.261</b>	<b>72.337.564.488</b>	-
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	115.415.676.863	40.674.528.967	2.328.466.056	303.808.899	158.722.480.795	-
Tại ngày cuối năm	<b>95.805.960.174</b>	<b>30.444.449.174</b>	<b>1.881.348.251</b>	<b>210.094.611</b>	<b>128.341.852.210</b>	-
				<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>	
						100.367.292.721
						12.892.136.872
						139.797.677.102
						10.311.551.473

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay  
Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Dự án trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp SJ1 Plaza	1.878.034.091		1.878.034.091	
Dự án nhà máy Thủy Sản Sa Đéc Đồng Tháp	2.531.860.514		2.097.996.878	
Dự án Công trình HHA OFFICE	14.297.088.395		8.079.631.490	
Dự án Công trình nhà máy Nha Môn	-		1.848.750.001	
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	1.116.137.850		406.630.818	
<b>Cộng</b>	<b>19.823.120.850</b>		<b>14.311.043.278</b>	

**12. Phải trả người bán**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>93.501.928.947</b>	<b>93.501.928.947</b>	<b>127.635.020.412</b>	<b>127.635.020.412</b>
Công ty TNHH MTV Thủy Sản Hiếu Lê CM	8.565.964.200	8.565.964.200	-	-
Công ty TNHH Hùng Cả	1.032.025.000	1.032.025.000	19.030.316.000	19.030.316.000
Các đối tượng khác	83.903.939.747	83.903.939.747	108.604.704.412	108.604.704.412
<b>b) Phải trả người bán dài hạn</b>	<b>19.030.307.500</b>	<b>19.030.307.500</b>	-	-
Công ty TNHH Hùng Cả (*)	19.030.307.500	19.030.307.500	-	-

(\*) Là khoản phải trả theo hợp đồng số 273/SCD/2016 và 217/SCD/2018 và phụ lục hợp đồng ngày 30 tháng 9 năm 2019. Thời hạn trả nợ đến ngày 30/09/2021.

**c) Phải trả người bán là các bên liên quan**

Xem thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất phần VII.1

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp / được hoãn	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	816.972.794	2.317.949.327	2.120.359.861	1.014.582.260
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	4.857.876	4.857.876	-
Thuế nhập khẩu	-	5.204.867	5.204.867	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.697.804.668	6.235.322.586	11.124.756.283	4.808.370.971
Thuế thu nhập cá nhân	338.982.981	1.297.340.053	898.398.015	737.925.019
Thuế tài nguyên	4.206.000	58.504.400	46.977.280	15.733.120
Tiền thuế đất	1.795.843.764	2.467.686.599	3.283.979.213	979.551.150
Các loại thuế khác	-	237.233.582	237.233.582	-
<b>Cộng</b>	<b>12.653.810.207</b>	<b>12.624.099.290</b>	<b>17.721.766.977</b>	<b>7.556.142.520</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Nhận trước tiền cho thuê mặt bằng	1.372.800.000		5.808.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>1.372.800.000</b>		<b>5.808.000.000</b>	

**15. Phải trả khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>5.312.872.170</b>	<b>7.232.349.490</b>		
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	2.949.859.944	3.987.571.374		
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	114.336.900	118.858.900		
Phải trả khác	2.248.675.326	3.125.919.216		
<b>b) Dài hạn</b>	<b>11.854.775.000</b>	<b>30.854.775.000</b>		
Công ty CP Phát triển Hùng Hậu – Nhận góp vốn Hợp tác kinh doanh dự án căn hộ cao cấp SJ1 Plaza	4.000.000.000	4.000.000.000		
Công ty CP Thủy sản Hùng Hậu (*)	7.854.775.000	7.954.775.000		
Công ty TNHH Rau quả Hùng Hậu	-	18.900.000.000		
<b>Cộng</b>	<b>17.167.647.170</b>	<b>38.087.124.490</b>		

(\*) Công ty mượn của Công ty CP Thủy sản Hùng Hậu theo hợp đồng vay mượn số 01-MT-2016 ngày 24/08/2016 và phụ lục hợp đồng số 01-MT-PL ngày 31/12/2017, thời hạn trả tiền trước ngày 31/12/2020.

**c) Phải trả khác là các bên liên quan**

Xem thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất phần VII.1



**BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**16. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>b) Dài hạn (*)</b>	<b>89.805.665.099</b>	<b>89.805.665.099</b>	<b>8.976.070.400</b>	<b>31.361.593.191</b>	<b>112.191.187.890</b>	<b>112.191.187.890</b>
+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGF)	28.282.200.000	28.282.200.000	-	5.028.799.996	33.310.999.996	33.310.999.996
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin (Sacombank)	53.486.430.000	53.486.430.000	6.390.000.000	11.397.818.000	58.494.248.000	58.494.248.000
+ Ngân hàng TMCP A Châu (ACB)	-	-	-	7.556.825.000	7.556.825.000	7.556.825.000
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	8.037.035.099	8.037.035.099	2.586.070.400	7.379.150.195	12.829.114.894	12.829.114.894
<b>Cộng</b>	<b>502.914.065.650</b>	<b>502.914.065.650</b>	<b>1.008.296.807.584</b>	<b>986.567.115.774</b>	<b>481.184.373.840</b>	<b>481.184.373.840</b>

**c) Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

(\*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

Bên cho vay	Số hợp đồng vay	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc tại ngày cuối năm		Phương thức đảm bảo
			USD	VND	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin (Sacombank)	LD1922500241	12 tháng	141.385.476.750	Thế chấp	
Ngân hàng TMCP A Châu (ACB)	CVL DN 767.130619 CVL DN 1054.130619	12 tháng 12 tháng	316.594.61	Thế chấp	
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	1606-LAV-201900353 1606-LAV-201900353	6 tháng 6 tháng	1.536.274.00	Thế chấp	
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BITD)	0120191777831-HD/DTD	12 tháng	149.999.308.863	Thế chấp	
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (UOB)	UOB/HCM/CASU/18202 UOB/HCM/CASU/18202	12 tháng 12 tháng	159.009.16	Tin chấp	
Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	2019-000196-000	9 tháng	10.500.000.000	Tin chấp	
<b>Cộng</b>			<b>390.328.357.729</b>		

25

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU**  
1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, TP. HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

**BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**16. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số cuối năm		Trong năm		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngân hạn</b>	<b>413.108.400.551</b>	<b>413.108.400.551</b>	<b>999.320.737.184</b>	<b>955.205.522.583</b>	<b>368.993.185.950</b>	<b>368.993.185.950</b>
- Vay ngắn hạn (*)	390.328.357.729	390.328.357.729	976.540.694.366	925.834.749.763	339.622.413.126	339.622.413.126
+ Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) (UOB)	22.968.976.933	22.968.976.933	74.291.604.844	51.322.627.911	-	-
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin (Sacombank)	141.395.476.750	141.395.476.750	294.865.963.350	257.926.060.600	104.445.574.000	104.445.574.000
+ Ngân hàng TMCP A Châu (ACB)	23.357.224.683	23.357.224.683	99.339.933.747	112.646.152.354	36.663.443.290	36.663.443.290
+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	42.218.370.500	42.218.370.500	140.290.220.600	136.298.962.100	38.227.112.000	38.227.112.000
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BITD)	149.898.308.663	149.898.308.663	346.752.971.825	346.790.946.798	149.936.283.836	149.936.283.836
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	10.500.000.000	10.500.000.000	21.000.000.000	20.850.000.000	10.350.000.000	10.350.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả (*)	<b>22.780.042.822</b>	<b>22.780.042.822</b>	<b>22.780.042.818</b>	<b>29.370.772.820</b>	<b>29.370.772.824</b>	<b>29.370.772.824</b>
+ Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGR)	5.028.800.000	5.028.800.000	5.028.799.996	5.028.800.000	5.028.800.004	5.028.800.004
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin (Sacombank)	10.840.116.000	10.840.116.000	10.840.116.000	10.130.844.000	10.130.844.000	10.130.844.000
+ Ngân hàng TMCP A Châu (ACB)	-	-	-	4.772.724.000	4.772.724.000	4.772.724.000
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	6.911.126.822	6.911.126.822	6.911.126.822	9.438.404.820	9.438.404.820	9.438.404.820



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**17. Vốn chủ sở hữu**

a)	Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
	<b>Số dư đầu năm trước</b>	187.805.970.000	52.061.107.960	(10.100.000)	1.935.474.500	23.739.801.634	265.532.254.094
	Tăng vốn trong năm trước	11.264.560.000	(5.632.280.000)			(5.632.280.000)	24.479.915.563
	Lãi trong năm trước				2.083.814.956	24.479.915.563	(1.041.907.478)
	Trích quỹ đầu tư phát triển					(2.083.814.956)	(13.145.710.900)
	Chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận năm 2017					(13.145.710.900)	
	Giảm khác					(625.144.487)	
	<b>Số dư cuối năm trước</b>	199.070.530.000	46.428.827.960	(10.100.000)	4.019.289.456	25.690.859.396	275.199.406.812
	<b>Số dư đầu năm nay</b>	199.070.530.000	46.428.827.960	(10.100.000)	4.019.289.456	25.690.859.396	275.199.406.812
	Tăng vốn trong năm nay	11.941.910.000				(11.941.910.000)	25.120.464.345
	Lãi trong năm nay				489.598.312	(489.598.312)	(489.598.312)
	Trích quỹ đầu tư phát triển					(489.598.312)	
	Chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận năm 2018					(11.943.625.800)	
	Giảm khác					(734.397.467)	
	<b>Số dư cuối năm nay</b>	211.012.440.000	46.428.827.960	(10.100.000)	4.508.887.768	25.212.213.850	287.152.269.578

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của các cổ đông	Số cuối năm VND	%	Số đầu năm VND	%
Cộng	211.012.440.000	100,00	199.070.530.000	100,00
	211.012.440.000	100,00	199.070.530.000	100,00

27

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP HÙNG HẬU**  
1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, TP. HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2019

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(\*) Chi tiết các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn:

+ Chi tiết các khoản vay dài hạn:

Bên cho vay	Số hợp đồng vay	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc tại ngày cuối năm		Phương thức đảm bảo	
			Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)	LD1511700300 LD1623700103 LD1623700088 LD1728500607 LAV201500825 LAV201600721	120 tháng 120 tháng 60 tháng 120 tháng 60 tháng 120 tháng	3.200.040.000 1.740.000.000 4.530.000.000 1.370.076.000 328.800.000 4.700.000.000	14.666.450.000 1.740.000.000 27.180.000.000 9.899.980.000 82.200.000 28.200.000.000	17.866.490.000 3.480.000.000 31.710.000.000 11.270.056.000 411.000.000 32.900.000.000	Thế chấp Thế chấp Thế chấp Thế chấp Thế chấp Thế chấp
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn (AGRI)	LAV201600721	120 tháng	4.700.000.000	28.200.000.000	32.900.000.000	Thế chấp
<b>Cộng</b>			<b>15.868.916.000</b>	<b>81.768.630.000</b>	<b>97.637.546.000</b>	

+ Thuế tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam đề mua máy móc, thiết bị, xe ô tô. Chi tiết các khoản thuế như sau:

Số hợp đồng thuê	Thời hạn thuê	Số dư nợ gốc tại ngày cuối năm		Cộng VND
		Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	
2015-00063-001	60 tháng	350.385.849	-	350.385.849
2015-00136-001	60 tháng	1.361.992.931	-	1.361.992.931
2015-00178-001	48 tháng	190.632.198	-	190.632.198
2015-00191-001	60 tháng	1.056.728.962	616.425.236	1.673.154.198
2017-00028-001	60 tháng	3.134.324.928	5.746.262.350	8.880.587.278
2017-00108-001	36 tháng	372.362.472	-	372.362.472
2019-00016-001	48 tháng	251.190.418	770.089.326	1.021.279.744
2019-00057-001	48 tháng	193.509.084	904.258.187	1.097.767.271
<b>Cộng</b>		<b>6.911.126.822</b>	<b>8.037.035.099</b>	<b>14.948.161.921</b>

26



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	199.070.530.000	187.805.970.000
Vốn góp tăng trong năm	11.941.910.000	11.264.560.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	211.012.440.000	199.070.530.000
Cổ tức đã chia	23.885.535.800	18.777.990.900

d) Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.101.244
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.101.244	19.907.053
- Cổ phiếu phổ thông	21.101.244	19.907.053
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	1.010	1.010
- Cổ phiếu phổ thông	1.010	1.010
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.100.234	19.906.043
- Cổ phiếu phổ thông	21.100.234	19.906.043
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)		

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất	Số cuối năm	Số đầu năm
	Ngoại tệ các loại	
+ USD	203.495,69	204.183,50
+ EUR	205,79	216,71

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	1.110.978.346.446	1.033.216.336.014
<b>Cộng</b>	<b>1.110.978.346.446</b>	<b>1.033.216.336.014</b>
b) Doanh thu đối với các bên liên quan		
Xem thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất phần VII.1		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	3.424.200	55.453.686
Hàng bán bị trả lại	215.884.399	-
Giảm giá hàng bán	114.975.000	319.088.608
<b>Cộng</b>	<b>334.283.599</b>	<b>374.542.294</b>

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	1.110.644.062.847	1.032.841.793.720
<b>Cộng</b>	<b>1.110.644.062.847</b>	<b>1.032.841.793.720</b>

4. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	1.014.712.530.647	939.470.933.869
<b>Cộng</b>	<b>1.014.712.530.647</b>	<b>939.470.933.869</b>

5. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.307.273.004	1.153.187.996
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	3.000.000.000	10.500.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.595.792.229	644.954.944
Cổ tức được chia	-	38.262.800
<b>Cộng</b>	<b>5.903.065.233</b>	<b>12.336.405.740</b>

6. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	37.891.153.113	37.081.229.757
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.263.832.393	2.365.922.988
<b>Cộng</b>	<b>39.154.985.506</b>	<b>39.447.152.745</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>a) Chi phí bán hàng</b>	<b>12.429.255.610</b>	<b>16.745.023.104</b>
Chi phí nhân viên	5.899.223.293	5.091.807.189
Chi phí hoa hồng	329.210.319	526.011.236
Chi phí vận chuyển và bảo hiểm hàng hóa	3.446.920.284	8.811.176.737
Các khoản chi phí bán hàng khác	2.753.901.714	2.316.027.942
<b>b) Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>19.191.333.443</b>	<b>19.832.424.554</b>
Chi phí nhân viên quản lý	12.597.327.782	12.189.075.526
Chi phí khấu hao	312.291.239	254.846.528
Các khoản chi phí quản lý khác	6.281.714.422	7.388.502.500

**8. Thu nhập khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý tài sản	903.087.563	-
Thu nhập khác	212.469.721	592.786.635
<b>Cộng</b>	<b>1.115.557.284</b>	<b>592.786.635</b>

**9. Chi phí khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp, truy thu thuế	804.828.551	6.225.244
Chi phí khác	13.944.676	98.006.009
<b>Cộng</b>	<b>818.773.227</b>	<b>104.231.253</b>

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thu nhập từ hoạt động chế biến trong thủy sản nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% theo quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính. Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31.355.806.931	30.171.220.570
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	1.444.826.270	687.581.825
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.444.826.270	880.028.963
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	192.447.138
Tổng lợi nhuận tính thuế	32.800.633.201	30.858.802.395
Trong đó:		
+ Lợi nhuận tính thuế 15%	6.496.081.081	9.609.109.856
+ Lợi nhuận tính thuế 20%	26.304.552.120	21.249.692.539
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>6.235.322.586</b>	<b>5.691.304.987</b>

**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25.120.484.345	24.479.915.583
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.250.024.217)	(1.223.995.779)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (*)	1.256.024.217	1.223.995.779
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	23.864.460.128	23.255.919.804
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.961.663	19.961.663
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)</b>	<b>1.196</b>	<b>1.165</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 19/01/2019, Quý khen thưởng, phúc lợi tạm tính theo tỷ lệ 2% lợi nhuận hợp nhất sau thuế và trích thu lao HĐQT, BKS tạm tính theo tỷ lệ 3% lợi nhuận hợp nhất sau thuế.

(\*\*) Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm trước và Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh hồi tố do ảnh hưởng của việc chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2019 và điều chỉnh giảm trích Quý khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản Trị, Ban kiểm soát.

**12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	888.982.289.498	797.723.853.076
Chi phí nhân công	98.246.517.775	91.954.936.646
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.970.594.579	18.980.229.333
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.224.643.120	12.099.191.246
Chi phí khác bằng tiền	13.259.992.304	10.386.314.592
<b>Cộng</b>	<b>1.032.684.037.276</b>	<b>931.144.524.893</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	2.949.181.293	2.025.000.333

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch VND
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	Bên liên quan	Chi hộ tiền điện Doanh thu dịch vụ	73.267.864 770.179.513

Cho đến ngày cuối năm, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu, (phải trả) VND
Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu	Bên liên quan	Phải trả người bán Phải thu khách hàng	(27.753.095) 542.215.357

**2. Báo cáo bộ phận**

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Xuất khẩu	277.277.868.067	351.287.547.124
Trong nước	833.366.194.780	681.554.246.596
<b>Cộng</b>	<b>1.110.644.062.847</b>	<b>1.032.841.793.720</b>

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất chế biến thủy sản nên không trình bày báo cáo bộ phận.

**3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 cũng yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**4. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

**Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**5. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Đơn vị tính : VND		
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Tổng cộng
<b>Số cuối năm</b>	<b>509.072.575.743</b>	<b>120.690.747.599</b>	<b>629.763.323.342</b>
Vay và nợ thuê tài chính	413.108.400.551	89.805.665.099	502.914.065.650
Phải trả cho người bán	93.501.928.947	19.030.307.500	112.532.236.447
Chi phí phải trả	99.234.019	-	99.234.019
Các khoản phải trả khác	2.363.012.226	11.854.775.000	14.217.787.226
<b>Số đầu năm</b>	<b>499.872.984.442</b>	<b>143.045.962.926</b>	<b>642.918.947.368</b>
Vay và nợ thuê tài chính	368.993.185.914	112.191.187.926	481.184.373.840
Phải trả cho người bán	127.635.020.412	-	127.635.020.412
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản phải trả khác	3.244.778.116	30.854.775.000	34.099.553.116

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không có. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**6. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**7. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018 đã được kiểm toán.

**8. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm, Công ty không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Vân  
Ngày 6 tháng 12 năm 2019

Kế toán trưởng

Phạm Thị Bích Như



Từ Thanh Phụng



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2019  
XÁC NHẬN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



TRẦN VĂN HẬU